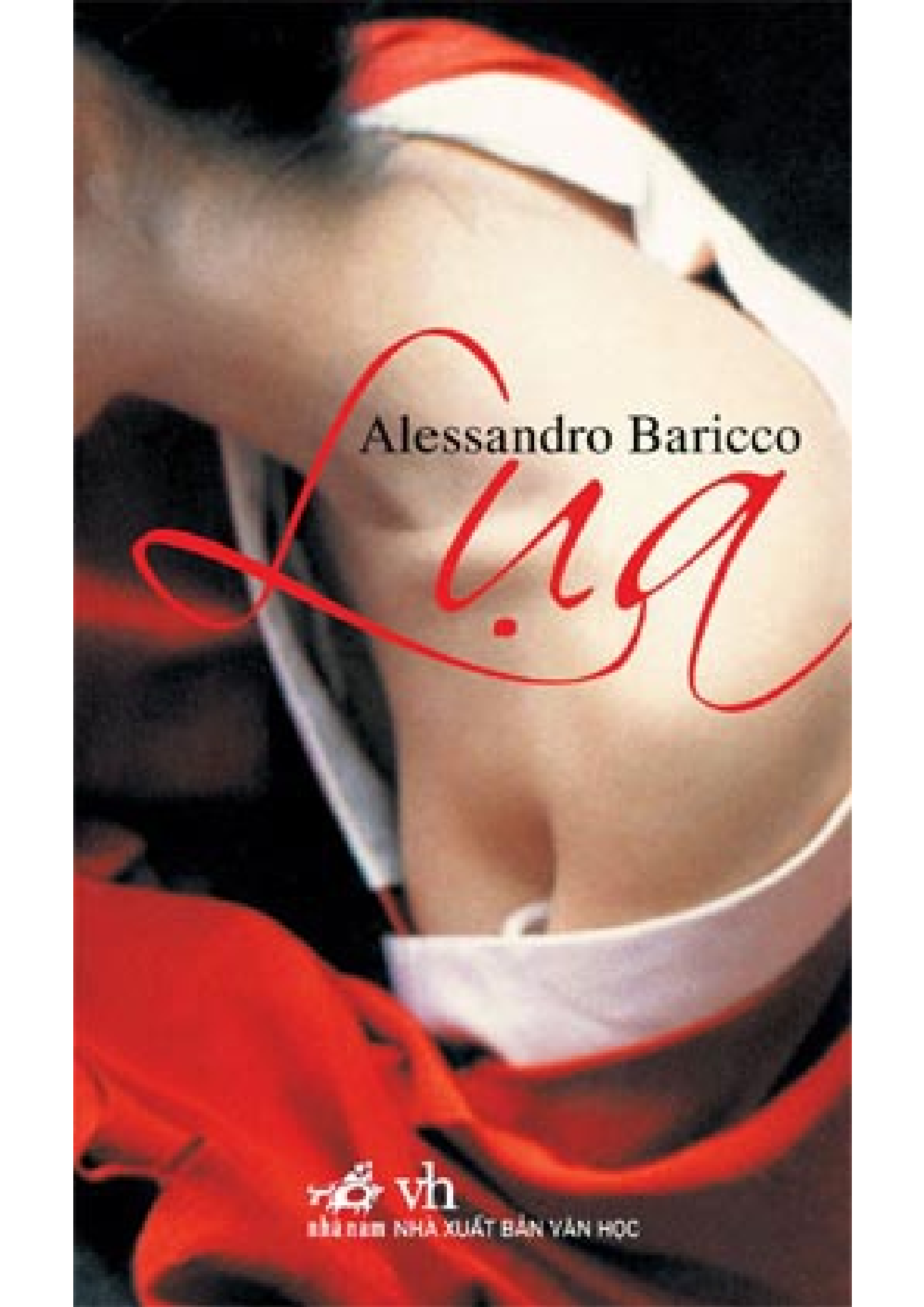


The book cover features a close-up, artistic photograph of a person's back and shoulder. The person is wearing a white garment with thin straps, and a vibrant red fabric is draped across the lower portion of the image. The author's name, 'Alessandro Baricco', is printed in a black serif font. The title 'L' is written in a large, elegant, red cursive script that flows across the center of the cover.

Alessandro Baricco



nhà xuất bản VĂN HỌC

Mục lục

Chương 1 -> 15

Chương 16 -> 29

Chương 30 -> 42

Chương 43 -> 57

Chương 58 -> 65 (Hết)

Chương 1 -> 15

1.

Dù người cha đã hình dung anh sẽ có một tương lai rực rỡ trong quân đội, Hervé Joncour cuối cùng lại kiếm sống bằng một nghề khác thường, cái nghề không phải xa lạ, như một sự trở trêu kỳ cục, với các nét sắc sảo dễ thương của tướng mạo anh, để lộ ra một sự đối giống nữ mơn hờ.

Để sống, Hervé Joncour mua và bán tằm.

Ta đang ở vào năm 1861. Flaubert viết tiểu thuyết Salammbô, đèn điện còn là một giả thuyết và Abraham Lincoln, bên kia bờ Đại Dương, đang tiến hành một cuộc chiến tranh mà ông sẽ không thấy hồi kết thúc.

Hervé Joncour được ba mươi hai tuổi.

Anh mua, và anh bán.

Những con tằm.

2.

Trong thực tế, Hervé Joncour mua và bán tằm khi tằm còn là trứng bé tí xíu, màu xám hay vàng, bất động và tưởng như chết. Chỉ cần một lòng bàn tay đủ nắm hàng ngàn trứng như thế.

"Đó là điều ta gọi là nắm một tài sản trong tay".

Vào những ngày đầu tháng năm, trứng nở ra con sâu tằm ăn lá dâu để lớn lên thành tằm, ăn suốt ba mươi ngày, ăn rào rào, ăn bổ bã; tằm chín thì thu mình kéo kén, hai tuần sau thì thân tằm bị tách ra khỏi kén vĩnh viễn để lại đằng sau một di sản tương đương, nếu tính bằng sợi, một ngàn thuộc tơ sống, nếu tính bằng tiền, một số lượng to tát quan Pháp: với điều kiện là mọi sự được tiến hành theo đúng phép tắc, bài bản, và phải ở một vùng miền nam nước Pháp, như trường hợp của Hervé Joncour.

Lavilledieu là tên cái thị trấn nơi Hervé Joncour sinh sống.

Helène, tên người vợ anh.

Họ không có con.

3.

Những trận dịch bệnh càng ngày càng tàn phá ngành chăn tằm ở châu Âu. Để tránh những sự tác hại, Hervé Joncour phải đi mua trứng tằm bên kia bờ Địa Trung Hải, tận Syrie và Ai Cập. Đó là khía cạnh phiêu lưu đặc thù của nghề anh. Hằng năm vào những ngày đầu tháng giêng, anh lên đường. Anh băng qua một ngàn sáu trăm dặm trên biển và tám trăm cây số trên bờ. Anh ra tay chọn trứng, trả giá, thu mua. Rồi anh quay lưng, băng qua tám trăm cây số đường bộ và một ngàn sáu trăm dặm đường biển, về đến cái thị trấn nhỏ Lavilledieu thường vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng tư, thường kịp giờ dự lễ ca trong nhà thờ. Anh còn làm việc suốt hai tuần nữa cho trứng vào bao bì và đem bán.

Thời gian còn lại trong năm, anh nghỉ ngơi.

4.

- Và châu Phi nó ra sao? - người ta hỏi anh.

- Mọi nơi.

Anh có một ngôi nhà lớn nằm ngoài thị trấn một chút và một xưởng nhỏ ở trung tâm, ngay trước mặt ngôi nhà bỏ hoang của ông Jean Berbek. Jean Berbek, một ngày đẹp trời nào đó bỗng nổi hứng quyết định từ nay về sau không mở miệng nói gì nữa. Ông giữ lời hứa. Vợ và hai đứa con gái bỏ ông ra đi. Ông chết. Nhà ông chẳng ai muốn mua và như thế bây giờ thành nhà hoang.

Mua và bán tằm, nội việc này thôi cũng mang lại cho Hervé Joncour hàng năm một số lợi tức đủ bảo đảm cho anh và vợ một cuộc sống tiện nghi thoải mái mà ở tỉnh lẻ người ta dễ cho là sang trọng, xa hoa. Anh hưởng thụ của cải mình một cách kín đáo, và anh thấy mình hoàn toàn lạnh nhạt trước cái viễn tưởng không xa thực tế lắm là anh có thể trở nên thực sự giàu có. Ngoài ra, anh là một trong những người thích làm khán giả trước chính cuộc đời của mình, mọi tham vọng sống cuộc đời mình được xem là không thích đáng, là lạc lăm.

Ta sẽ nhận ra là những người như thế lặng ngấm số mệnh mình cùng một cách như phần lớn những người khác lặng ngấm một ngày mưa.

5.

Nếu được hỏi, có lẽ trả lời rằng cuộc đời anh sẽ tiếp tục như thế mãi mãi. Tuy nhiên, vào những năm đầu thập niên sáu mươi, trận dịch bệnh tằm gai, sau khi đã làm cho số trứng tằm nuôi ở châu Âu trở thành vô dụng, lan tràn sang bên kia biển, tận châu Phi và ngay sang cả Ấn Độ, theo lời một số người. Năm 1861, Hervé Joncour trở lại quê nhà sau chuyến đi xa thường lệ, mua về một số trứng mà hai tháng sau mới biết bị nhiễm bệnh gần hết. Đối với Lavilledieu cũng như các thành phố khác đã dựa trên nền sản xuất tơ lụa mà làm giàu, năm đó tưởng như báo hiệu sự bắt đầu cho sự suy sụp, tàn cuộc. Khoa học tỏ ra bất lực trong việc tìm hiểu những nguyên nhân gây dịch bệnh. Và khắp mặt đất, tận những vùng xa xôi hẻo lánh, tưởng như bị giam hãm, đầy dọa bởi cái phù phép, tai ương không lời giải thích đó.

- Không phải khắp mặt đất đâu - Baldabiau nói nhẹ nhàng - không khắp đâu, và rót một chút nước lạnh vào ly rượu anizét của mình

6.

Hai mươi năm trước Baldabiau là người vừa đặt chân đến cái thị trấn này thì đi ngay tới văn phòng viên thị trưởng, vào thẳng trong chướng thềm thông báo, và đặt lên bàn giấy tấm khăn quàng bằng lụa màu hoàng hôn rồi hỏi viên thị trưởng.

- Ông biết cái gì đây không?

- Chuyện đàn bà.

- Sai. Chuyện đàn ông: tiền.

Viên thị trưởng sai người tổng cổ ông ra ngoài. Chẳng sao, ông cho dựng lên một nhà máy sợi ở phía dưới thị trấn gần bờ sông, một trại chăn tằm cạnh rừng và một nhà thờ nhỏ dành cho nữ thánh Agnès nằm ở ngã ba đường đi về Viviers. Ông thu dụng khoảng chục người thợ, gọi mua từ Ý về một cỗ máy bằng gỗ trông bí hiểm, toàn bánh xe và guồng máy không à, và không nói gì thêm suốt bảy tháng. Rồi ông trở lại văn phòng viên thị trưởng, đặt ngay ngắn trên bàn giấy ba chục ngàn quan Pháp bằng những tờ giấy bạc

lớn.

- Ông biết cái gì đây không?

- Tiền.

- Sai. Đây là bằng chứng ông là một thằng ngu.

Rồi ông thu xếp lại các tờ giấy bạc, bỏ vào ví và làm bộ đi ra.

Viên thị trưởng chặn lại.

- Tôi phải làm cái quái gì đây?

- Không gì cả: và ông sẽ là thị trưởng một thành phố nhỏ giàu có.

Năm năm sau, Lavilledieu có bảy nhà máy sợi và trở thành một trong những trung tâm hàng đầu châu Âu trong ngành chăn tằm và dệt lụa. Không phải tất cả những nhà máy đó đều thuộc quyền sở hữu của Baldabiau đâu. Các chức sắc, thân hào và các địa chủ trong vùng đã theo chân ông trên bước đường phiêu lưu công nghiệp lạ lùng này. Ông chẳng bao giờ giấu nghề, lúc nào cũng chia sẻ những bí mật với mọi người trong bọn họ. Ông thấy vui thích làm như vậy hơn là làm ra tiền xức không hết. Chỉ dạy. Và có những điều bí mật để kể ra. Ông ta như thế đó, cái ông Baldabiau này.

7.

Baldabiau cũng là người mà tám năm về trước đã làm thay đổi cuộc đời Hervé Joncour. Đó là vào thời kỳ những trận dịch bệnh đầu tiên phát khởi những đợt tấn công vào công cuộc chăn tằm ở châu Âu. Không tỏ ra bối rối chút nào, Baldabiau để tâm xem xét tình hình và rút ra kết luận là không thể giải quyết vấn đề này, chỉ còn cách là đi vòng tránh nó thôi. Ông có ý nhưng thiếu người, một người. Khi trông thấy Hervé Joncour đi ngang trước quán cà phê Verdun lịch sự trong một bộ quân phục thiếu úy bộ binh, đính đặc với tướng bộ một quân nhân đang nghỉ phép, ông biết mình đã tìm ra người đó. Lúc đó Hervé Joncour được hai mươi bốn tuổi. Baldabiau mời anh về nhà, mở rộng đuôi mắt anh một tập bản đồ địa lý mang đầy những tên ngoại lai xa lạ và nói:

- Chúc mừng cậu. Rất cuộc cậu cũng tìm ra một công việc đứng đắn.

Hervé Joncour ngồi nghe một hồi cái chuyện dài về tằm, về trứng, về những Kim Tự Tháp và những chuyện hải hành. Rồi anh nói:

- Tôi không thể làm được.

- Tại sao?

- Vì hai hôm nữa hết hạn nghỉ phép, tôi phải lên lại Paris.

- Nghề lính?

- Dạ phải. Cha tôi đã quyết định như thế.

- Chuyện dễ.

Ông dẫn Hervé Joncour đi thẳng tới nhà cha anh.

- Ông biết ai đây không?

- Thắng con tôi.

- Nhìn kĩ hơn đi.

Viên thị trưởng thả người dựa vào lưng ghế bành bằng da, và bắt đầu đồ mồ hôi.

- Thắng con trai tôi, Hervé, hai ngày nữa trở lên Paris, một tiền đồ sáng giá trong quân đội chúng ta đang chờ đón nó, nếu Thượng Đế và nữ thánh Agnès muốn thế.

- Đúng. Có điều Thượng Đế thì bận rộn chỗ khác và thánh Agnès không gửi được lính tráng.

Một tháng sau Hervé Joncour lên đường đi Ai Cập. Anh đi biển trên con tàu mang tên Adel. Trong các cabin mùi nấu nướng bay từ bếp vào, có một người Anh khoe mình đã từng đánh nhau trong trận Waterloo, chiều tối ngày thứ ba của chuyến đi người ta thấy các con cá heo lóe sáng ở chân trời như những con sóng say, ở bàn cờ quay con số mười sáu cứ ra hoài.

Anh trở lại nhà hai tháng sau - ngày chủ nhật đầu tiên của tháng tư, vừa kịp giờ dự lễ cả - với hàng ngàn trung tâm gói trong bông đặt trong hai hộp lớn bằng gỗ. Anh có hàng lô chuyện để kể. Nhưng khi chỉ có Baldabioiu và anh ngồi lại với nhau, điều ông ta muốn nghe là:

- Cậu kể tớ nghe về những con cá heo.

- Cá heo?

- Cái lần mà cậu thấy chúng nó.

Baldabioiu, ông ta như thế đó.

Chẳng ai biết được tuổi thật của ông.

8.

- Không phải khắp mặt đất đâu - Baldabioiu nói nhẹ nhàng - không khắp đâu, và rót một chút nước lạnh vào ly rượu anizét.

Đêm tháng tám, hơn nửa đêm tối. Vào giờ này, Verdun đã đóng quán từ lâu theo thường lệ. Ghế được lật ngửa, đặt ngay ngắn trên bàn. Cái quầy rượu, ông đã lau chùi, và những chỗ còn lại cũng vậy. Chỉ còn tắt đèn rồi đóng cửa. Nhưng Verdun đợi: ông Baldabioiu đang nói chuyện.

Hervé Joncour ngồi bất động trước mặt ông, điều thuốc tắt ngấm còn trên môi, lắng nghe. Giống như tám năm trước, anh để cái ông này ung dung viết lại số mệnh mình. Tiếng nói ông đến tai anh nhỏ nhẹ và rõ ràng, bắt nhịp theo từng ngụm rượu anizét đều đặn. Không ngưng nghỉ, tiếng nói kéo dài một lèo nhiều phút. Điều cuối cùng nói ra là: - Không có chọn lựa nào cả. Nếu ta muốn tiếp tục sống, phải đi xuống đó.

Im lặng.

Verdun chống cùi chỏ lên quầy rượu, giương mắt nhìn hai người kia.

Baldabioiu tìm cách uống thêm một ngụm rượu anizét nữa, từ đáy cốc.

Hervé Joncour đặt điều thuốc lạ lên mép bàn trước khi nói:

- Và cái xứ Nhật ấy, nó nằm ở đâu, nói cho chính xác?

Baldabiou giờ cây gậy bằng gỗ song lên trời, chỉ về hướng bên kia mái nhà thờ Saint - Auguste.

- Ngả đó, thẳng một đường.

Ông nói:

- Tận chân mây cuối trời.

9

Vào thời điểm đó, nước Nhật thực sự ở tận chân mây cuối trời. Đó là một đảo quốc hợp thành từ nhiều đảo và từ hai trăm năm nay sống hoàn toàn biệt lập với phần còn lại của loài người, từ chối giao tiếp với lục địa và nghiêm cấm tất cả người ngoại quốc vào nước mình. Bờ biển Tàu chỉ cách chừng hai trăm hải lý nhưng một sắc chỉ ban ra làm cho nó càng xa thêm bằng cách cấm cản trên toàn đảo quốc đóng thuyền quá một cột buồm. Theo một logic sáng suốt theo kiểu của nó, luật pháp kẻ ra không ngăn cấm những ai muốn rời khỏi nước: nhưng lên án t hình những ai tìm cách trở về. Những tay buôn Tàu, Hà Lan, Anh đã nhiều lần tìm cách phá bỏ sự cô lập phi lý này nhưng cuối cùng họ chỉ dùng được một mạng lưới buôn lậu bấp bênh và đầy nguy hiểm. Họ kiếm chác chẳng được bao nhiêu tiền, chỉ dùng nhiều phiền toái và chỉ tạo ra được một vài huyền thoại buổi tối đem đổi vài ly trong các quán rượu ở bến tàu cho vui anh, vui em. Họ thất bại, nhưng người Mỹ đã thành công bằng cách cho vũ khí nói chuyện. Vào tháng bảy năm 1853, viên đề đốc Matthew C. Perry dẫn đầu một hạm đội hiện đại gồm các tàu chiến chạy bằng hơi nước tiến sâu vào vịnh Hoàn Tân và trao cho người Nhật một tối hậu thư bày tỏ "lòng mong ước" đảo quốc mở cửa thông thương.

Người Nhật, tới lúc đó, chưa bao giờ thấy tận mắt những chiếc tàu đi biển ngược gió.

Bảy tháng sau khi Perry trở lại để nhận câu trả lời cho tối hậu thư của mình, chính quyền Mạc Phủ của đảo quốc chịu nhún mình ký vào một thỏa ước mở hai cửa khẩu ở miền bắc cho người ngoại quốc vào buôn bán và thiết lập một cách thận trọng một vài quan hệ thương mại đầu tiên.

- Vùng biển bao quanh đảo này - viên đề đốc tuyên bố trịnh trọng - bót sâu đi nhiều lắm từ nay về sau.

10

Baldabiou biết tất cả mấy chuyện này. Nhất là ông biết được một huyền thoại lúc nào cũng trở đi trở lại trên miệng những người đã đi tới đó. Họ kể rằng cái đảo đó sản xuất ra lụa đẹp nhất thế gian. Lụa được làm từ hơn ngàn năm nay, theo những nghi thức và những bí mật đạt tới mức độ chính xác thần kỳ. Baldabiou, chính ông ấy, nghĩ rằng đây không phải là một huyền thoại mà là một sự thật không hơn không kém. Một hôm, ông nắm được trong tay một cái khăn phủ dệt bằng sợi lụa Nhật. Nó nhẹ như thể không có gì giữa những ngón tay. Như thế, khi mọi sự tưởng như trôi theo dòng nước vì nạn dịch tằm gai và trùng lây nhiễm, ông nghĩ ra ý này: - Cái đảo này có đầy tằm. Và một cái đảo mà suốt hai trăm năm chẳng có tên lái buôn Tàu hay tên bán bảo hiểm Anh vào được thì cũng chẳng bao giờ có bệnh dịch nào vào.

Ông đầu bằng lòng chỉ biết ngẫm nghĩ một mình thôi, ông đem ý này nói ra với tất cả những nhà sản xuất tơ lụa ở thị trấn Lavilledieu sau khi tập hợp họ ở quán cà phê Verdun. Tới bây giờ, không ai trong bọn họ đã nghe nói đến nước Nhật.

- Chúng ta phải đi xuyên qua cả mặt đất để tìm mua những trứng tằm theo ý Thượng Đế, ở một nơi chốn mà khi bắt gặp một tên ngoại quốc thì họ xách cổ treo lên?

- Trước kia thì thế, bây giờ hết rồi - Baldabiou nói cho chính xác.

Họ chẳng biết nghĩ tới, nghĩ lui ra sao. Một ý bất bẻ hiện ra trong đầu một người trong bọn họ.

- Không ai trên thế gian nghĩ ra chuyện đi xuống đó tìm mua trứng, vậy phải có lý do chứ bộ không à?

Baldabiau có thể "đại ngôn" với họ, rằng trên thế gian này không có một Baldabiau thứ hai. Nhưng ông thích nói thẳng vào thực tế hơn.

- Người Nhật đành cam chịu bán lựa. Nhưng trứng tằm, không bao giờ. Họ giữ lại riêng cho họ. Và ai tìm cách đem trứng ra khỏi đảo sẽ bị khép tội.

Những nhà sản xuất tơ lụa ở Lavilledieu, ít hay nhiều, là những nhà quân tử, không bao giờ họ có ý nghĩ vi phạm một luật lệ nào ở trong nước mình. Nhưng ý tưởng là họ sẽ phạm luật của một nước ở títt mù cuối trời thì có vẻ hợp lý, hợp lẽ lắm đối với họ.

11

Ta đang ở vào năm 1861. Flaubert hoàn thành tiểu thuyết Salammbô, đèn điện còn là một giả thuyết và Abraham Lincoln, bên kia bờ Đại Dương, đang tiến hành một cuộc chiến tranh mà ông sẽ không thấy hồi kết thúc.

Những người nuôi tằm ở Lavilledieu hợp lại thành công ty và tập trung một số vốn to tát cần thiết cho cuộc viễn hành. Cả bọn họ thấy giao phó chuyến đi này cho Hervé Joncour là đương nhiên. Khi Baldabiau hỏi anh có chấp nhận không, anh trả lời bằng một câu hỏi:

- Và cái xứ Nhật ấy, nó nằm ở đâu, nói cho chính xác?

- Ngã đó, thẳng một đường. Chỗ tận cùng trời cuối đất.

Anh lên đường ngày 6 tháng mười. Một mình.

Ở cửa ngõ thị trấn Lavilledieu, anh ôm chặt người vợ Hélène và nói với nàng một cách giản dị.

- Em đừng lo sợ gì cả.

Đó là một người đàn bà lớn con, cử chỉ chậm rãi, nàng có mái tóc đen dài không bao giờ búi lại trên đầu. Nàng có một giọng nói tuyệt vời.

12

Hervé Joncour ra đi với tám chục ngàn quan bằng vàng và ba cái tên ông Baldabiau đã tìm ra đưa cho anh: một người Tàu, một người Hà Lan và một người Nhật. Anh qua biên giới gần thành Metz, đi xuyên qua vùng Wurtemberg và vùng Bavière, vào nước Áo, lên thành Vienne rồi thành Budapest bằng tàu lửa, tiếp tục đi đến thành Kiev. Anh cưỡi ngựa băng qua hai ngàn cây số vùng thảo nguyên Nga, vượt rừng núi Ural, tiến vào vùng Sibérie, mất hết bốn chục ngày nữa anh mới tới hồ Baikal mà người dân địa phương gọi là: biển. Anh xuôi dòng sông Amour, đi dọc theo biên giới Tàu cho đến bờ Đại Dương, và khi tới đó anh nằm dài mười một ngày ở hải cảng Sabirk chờ đợi một con tàu của bọn buôn lậu Hà Lan đưa anh tới Capo Teraya nằm ở bờ biển phía tây nước Nhật. Đi bộ trên những con đường phụ, anh xuyên qua các tỉnh Thạch Xuyên, Hộ Sơn, Tân Tích, vào sâu trong tỉnh Phúc Đạo và khi đến gần thành phố Bạch Xuyên thì anh đi vòng tránh nó bằng ngả phía đông rồi chờ suốt hai ngày một người đàn ông mặc đồ đen bịt mắt anh lại và dẫn anh đi cho tới một ngôi làng nằm giữa những ngọn đồi anh ngủ lại qua đêm, và sáng hôm sau anh thương lượng mua trứng tằm với một người đàn ông không mở miệng một lời và khuôn mặt được che kín bằng một khăn phủ bằng lụa. Đen. Khi mặt trời lặn, anh giấu trứng tằm trong hành lý, quay lưng về

phía nước Nhật và sửa soạn lên đường về quê nhà.

Anh vừa mới qua khỏi mấy nếp nhà cuối cùng trong làng thì một người đàn ông chạy theo chặn anh lại. Hắn nói với anh điều gì đó với một giọng kích động và kiên quyết, rồi với cả sự nhã nhặn pha lẫn cứng rắn, bắt anh quay trở lại.

Hervé Joncour không nói được tiếng Nhật và không thể hiểu ông ta nói gì. Nhưng anh đoán ra là Nguyên - Mộc muốn gặp anh.

13

Một tấm vách bằng giấy bản kéo lướt qua và Hervé Joncour bước vào. Nguyên Mộc ngồi xếp bằng trên sàn nhà, ở một góc lùi xa nhất của gian phòng. Ông ta mặc một chiếc áo rộng màu sẫm và không đeo một thứ trang sức nào cả. Chỉ có một dấu hiệu thấy được ông ta có uy quyền là một người đàn bà nằm dài bên cạnh, đầu gối lên đùi ông, mắt nhắm nghiền, đôi tay che giấu dưới bộ áo rộng thùng thình màu đỏ ti xung quanh người nàng, như một ngọn lửa trên mặt chiếu màu xám tro. Nguyên Mộc chậm rãi dùng tay lùa tóc nàng: trông như ông đang vuốt ve bộ lông một con thú quý hiếm, và đang ngủ.

Hervé Joncour đi xuyên gian phòng, chờ chủ nhân ra hiệu rồi ngồi xuống đối diện ông. Cả hai người giữ im lặng, nhìn thẳng vào mắt nhau. Một người đẩy tờ đi vào, lặng lẽ như không, đặt trước mặt họ hai tách trà. Rồi biến đi. Bây giờ Nguyên Mộc mới bắt đầu nói, bằng tiếng mẹ đẻ, giọng đều đến đơn điệu, pha loãng với một thứ giọng kim giả tạo một cách khó chịu. Hervé Joncour lắng nghe. Anh cứ nhìn thẳng vào mắt Nguyên Mộc và trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, ngay anh cũng không để ý đến, hạ ánh mắt mình xuống khuôn mặt người đàn bà.

Đó là khuôn mặt một cô gái trẻ.

Anh đưa mắt lên.

Nguyên Mộc ngưng nói, cầm một trong hai tách trà đưa lên miệng, chờ một lát rồi nói.

- Ông thử kể tôi nghe ông là ai.

Ông nói câu này bằng tiếng Pháp, hơi kéo lê những nguyên âm, với một giọng khàn khàn, thật sự của mình.

14

Trước một con người gần như bất khả xâm phạm nhất ở Nhật, chứa trùm tất cả những gì thiên hạ xoay sở đem lậu ra khỏi đảo quốc, Hervé Joncour cố kể mình là ai. Anh nói bằng tiếng mẹ đẻ, phát âm chậm rãi, không biết chính xác Nguyên Mộc có hiểu được anh không. Theo bản năng, anh bỏ qua mọi thận trọng, cứ kể lại không bịa cũng không giấu tất cả những gì có thật, giản dị thế thôi. Anh kể ra những chi tiết nhỏ nhất và những biến cố mâu chốt cùng một giọng đều đều, đơn điệu và rất ít điệu bộ, như thể tập tành theo cái nhịp không vui, lãnh đạm, thẳng thốt của một người đọc danh sách những đồ vật sống sót sau cơn hỏa hoạn. Nguyên Mộc lắng nghe, không một thoáng phản ứng nào lộ ra trên khuôn mặt điềm tĩnh, lạnh lùng của mình. Mắt ông nhìn đăm đăm cặp môi của Hervé Joncour như thể đôi môi ấy là những hàng cuối cùng của một lá thư vĩnh biệt. Trong gian phòng, mọi sự đều im ắng và bất động đến nỗi cái gì xảy ra thành linh, dù từ nó chẳng có gì, cũng thành to lớn, vô hạn.

Bỗng dừng.

Vẫn nằm im không động đậy.

Cô gái trẻ này, mở mắt.

Hervé Joncour không ngừng nói nhưng theo bản năng đưa ánh mắt về phía nàng, và cái anh thấy, vẫn không ngừng nói, cái anh thấy là đôi mắt ấy không có đáng phương đông, và đôi mắt ấy với một cường độ làm bối rối nhìn thẳng vào anh: như thể đôi mắt ấy chẳng làm gì khác cả ngay từ lúc đầu, đuôi mi mắt khép, Hervé Joncour cố giữ vẻ tự nhiên, đưa mắt sang chỗ khác, ráng tiếp tục câu chuyện, không để lộ ra cái gì khác lạ trong giọng nói. Anh chỉ ngừng khi anh chợt thấy lại cái tách trà đặt trên sàn, trước mặt anh. Anh cầm đưa lên môi, uống từ từ chậm rãi. Rồi anh bắt đầu nói lại, sau khi đặt tách trà xuống chỗ cũ, trước mặt mình.

15

Nước Pháp, những chuyến hải hành, hương thơm từ những cây dâu ở thị trấn Lavilledieu, tàu lửa chẳng bằng hơi nước, giọng nói của Hélène. Hervé Joncour tiếp tục kể chuyện đời mình như thể anh chưa bao giờ làm thế trong đời mình. Cô gái trẻ vẫn nhìn anh đắm đắm, với một sự mãnh liệt khiến anh cảm thấy bó buộc phải dùng những lời lẽ có ý nghĩa, đáng ghi nhớ. Gian phòng từ bấy giờ hình như đã rơi trượt vào một trạng thái tĩnh lặng cố định khi bất thành linh, và không gây ra một tiếng động hay một âm thanh nhỏ nào, cô gái để một bàn tay trượt ra khỏi tầm áo, trượt từ từ trên chiếu, trước mặt nàng. Hervé Joncour thấy, từ khoé mắt mình, cái đốm sáng này, thấy nó vượt nhẹ tách trà của Nguyên Mộc, rơi, một cách lạ thường, tiếp tục trượt dần dần đến cái tách trà thứ hai, rồi chụp nó không chút do dự, cái tách mà anh đã uống, nhẹ nhàng cầm lên đưa về phía nàng. Nguyên Mộc không ngừng nhìn, dù một chút xiu, vào đôi môi của Hervé Joncour, mặt không đổi sắc.

Cô gái nhấc đầu lên một chút.

Lần đầu tiên ánh mắt nàng rời khỏi Hervé Joncour để sang tách trà.

Chậm rãi, nàng xoay nó dưới môi cho đến ngay chỗ anh đã đặt môi uống.

Khép mắt nửa chừng, nàng uống một ngụm.

Nàng đưa tách rồi mời.

Nhẹ nhàng đặt nó trở lại chỗ cũ.

Kéo tay vào dưới lớp áo.

Gối đầu lên đùi Nguyên Mộc.

Đôi mắt mở, đắm đắm nhìn mắt Hervé Joncour.

Chương 16 -> 29

Hervé Joncour còn nói lâu lắm. Anh chỉ ngừng khi Nguyên Mộc đưa mắt nhìn chỗ khác và hơi nghiêng người chào anh.

Im lặng.

Bằng tiếng Pháp, hơi kéo lê những nguyên âm, giọng khàn khàn, thật sự của mình. Nguyên Mộc lên tiếng:

- Nếu ông muốn trở lại đây lần nữa, tôi rất vui đón tiếp ông.

Lần đầu tiên, ông ta mỉm cười.

- Trứng ông mua được chẳng có giá trị gì hết. Toàn trứng cá.

Hervé Joncour hạ ánh mắt. Trước mặt anh, tách trà của anh. Anh cầm lên, xoay tròn, xem xét nó như thể anh muốn tìm cái gì đó trên cái đường chỉ viền màu ở mép tách. Khi anh tìm được, anh ấn môi mình lên đó, và uống cạn chén. Rồi anh đặt tách trà xuống trước mặt và nói:

- Tôi biết.

Nguyên Mộc bật cười, tỏ vẻ khoái trá.

- Vì thế mà ông trả bằng vàng giả, phải không?

- Tôi trả đúng những gì tôi mua.

Nguyên Mộc tỏ vẻ nghiêm nghị trở lại.

- Khi ông rời đây, ông sẽ nhận được những gì ông muốn.

- Khi tôi ra khỏi cái đảo này, toàn mạng, ông sẽ nhận đúng số vàng thuộc phần ông. Tôi hứa danh dự.

Hervé Joncour không chờ câu trả lời. Anh đứng lên, đi lùi vài bước, rồi cúi người chào.

Đôi mắt cô gái cứ nhìn theo mắt anh, hoàn toàn câm nín. Đó là điều cuối cùng anh thấy trước khi ra khỏi gian phòng.

Sáu ngày sau, ở Cao Cương, Hervé Joncour lên một chiếc tàu của bọn buôn lậu Hà Lan đưa anh về lại Sabirk. Từ đó anh đi ngược lên, dọc theo biên giới Tàu cho tới hồ Baikal, băng qua bốn ngàn cây số vùng đất Sibérie, vượt rặng núi Oural, đến lại thành Kieve rồi lên tàu lửa đi suốt châu Âu, từ đông sang tây, và như thế sau một cuộc hành trình về nước dài ba tháng, cuối cùng anh đến Pháp. Ngày chủ nhật đầu tiên của tháng tư - vừa kịp giờ dự lễ cả - anh về đến cửa ngõ vào Lavilledieu. Anh dừng chân, tạ ơn Thượng Đế và đi bộ vào thị trấn, đếm từng bước chân để mỗi bước có một tên gọi, để mà không bao giờ quên được bước chân mình.

- Nó ra sao, cái xứ sở ở chân mây cuối trời đó? - Baldabiou hỏi anh.

- Vô hình, vô ảnh.

Người vợ Hélène, anh tặng cho nàng một áo dài bằng lụa nhưng nàng chẳng bao giờ mặc cả, nàng ngượng. Nếu nắm chặt tấm áo đó trong lòng bàn tay, ta có cảm tưởng chẳng nắm gì cả giữa những ngón tay.

Những trứng tằm Hervé Joncour mang từ Nhật về - cả hàng trăm trứng bám trên những phiến vỏ cây dâu - đều tỏ ra hoàn toàn lạnh mạnh. Năm đó, sự sản xuất tơ lụa trong vùng Lavilledieu đạt kết quả đặc biệt, về số lượng cũng như chất lượng. Hai nhà máy sợi khác được mở thêm, và Baldabiou cho xây một tu viện sát với ngôi nhà thờ nhỏ Sainte - Agnès. Ông muốn xây nó hình tròn, chẳng ai hiểu rõ tại sao, và giao phó dự án này cho một kiến trúc sư người Tây Ban Nha tên là Juan Benitez, khá có tiếng trong lĩnh vực xây quảng trường đầu bò móng hình tròn.

- Tất nhiên, không đồ cát ở trung tâm tu viện, nhưng một cái vườn. Và nếu có thể được, treo đầu cá heo thay vì đầu bò ong, ở lối ra vào.

- Dạ thưa ông, cá heo?

- Một loài cá, Benitez, hiểu không?

Hervé Joncour tính toán sổ sách và biết ra là anh bây giờ giàu có. Anh mua ba chục mẫu tây đất nằm ở phía nam nhà anh, và cặm cui suốt mấy tháng hè ngồi vẽ kiểu một công viên mà sau này ai đi dạo ở đây sẽ thấy lòng mình tĩnh lặng và thanh thản. Anh tưởng tượng nó sẽ vô hình, vô ảnh như một cõi tận cùng cuối trời cuối đất. Mỗi buổi sáng anh đi bộ đến tận quán Verdun, ngồi nghe những câu chuyện đầu hè cuối ngõ xây ra trong cái thành phố nhỏ này, hay liếc qua những tờ báo đến từ Paris. Buổi tối, anh ngồi rất lâu dưới hiên cổng, bên cạnh người vợ Hélène. Nàng đọc một quyển sách, nghe to và rõ, và anh cảm thấy sung sướng vì anh tự nhủ thăm trên đời này chẳng có được một cái giọng hay hơn giọng nàng.

Anh được ba mươi tuổi vào ngày 4 tháng chín 1862.

Đời đồ mưa, đời anh, trước mắt anh, cảnh tượng lặng lẽ.

- Em đừng lo sợ gì cả.

Vì Baldabiou đã quyết định như thế, Hervé Joncour lại lên đường đi Nhật vào ngày đầu tiên tháng mười. Anh qua biên giới Pháp gần thành Metz, đi xuyên qua vùng Wurtemberg và vùng Bavière, vào nước Áo, lên thành Vienne rồi thành Budapest bằng tàu lửa, tiếp tục đi đến thành Kiev. Anh cưỡi ngựa băng qua hai ngàn cây số vùng theo cao nguyên Nga, vượt rặng núi Ural, tiến vào Sibérie, mất hết bốn chục ngày nữa anh mới đến được hồ Baikal mà người dân địa phương gọi là: con quý. Anh xuôi dòng sông Amour, đi dọc theo biên giới Tàu cho đến bờ Đại Dương, và khi tới đó anh nằm dài mười một ngày ở hải cảng Sabirk chờ đợi một con tàu của bọn buôn lậu Hà Lan đưa anh đến Capo Teraya ở bờ biển phía tây nước Nhật. Đi bộ trên những con đường phụ, anh xuyên qua các tỉnh Thạch Xuyên, Hộ Sơn, Tân Tích, vào sâu trong tỉnh Phúc Đạo và khi đến gần thành phố Bạch Xuyên thì anh tránh nó bằng cách đi vòng về phía đông, rồi chờ suốt hai ngày một người đàn ông mặc đồ đen bịt mắt anh lại và dẫn anh đến ngôi làng của Nguyên Mộc. Khi anh được mở mắt ra, anh thấy mình đứng trước hai người đầy tớ, họ khiêng hành lý cho anh và dẫn anh tới một bia rừng, chỉ cho anh thấy một con đường mòn rồi bỏ đi. Hervé Joncour bắt đầu bước đi dưới bóng râm của những tàng cây xung quanh anh, cắt thành từng mảnh dưới ánh sáng ban ngày. Anh chỉ ngừng bước khi cây cối bên đường thỉnh thoảng mở rộng ra, trong một giây phút ngắn ngủi, như một cánh cửa sổ. Một cái hồ hiện ra, chừng ba mươi thước phía dưới. Và bên bờ hồ, anh thấy Nguyên Mộc ngồi xổm trên đất, lưng quay về phía rừng, bên cạnh một người đàn bà mặc áo dài màu cam, tóc dài thả lỏng ngang vai. Ngay lúc Hervé Joncour trông thấy nàng, nàng quay người lại, chậm rãi, trong một khoảnh khắc bắt được ánh mắt của anh.

Đôi mắt nàng không có dáng phương đông, và khuôn mặt nàng là khuôn mặt của một cô gái trẻ.

Hervé Joncour lại bước đi trong những lùm cây dày đặc rồi khi anh ra khỏi đó, anh thấy mình đã đến bên họ. Cách anh vài bước, Nguyên Mộc, một mình, lưng quay về phía rừng, ngồi bất động, mặc đồ đen. Bên cạnh ông, chiếc áo dài màu cam bỏ rơi xuống đất, và hai chiếc dép rơm. Hervé Joncour bước lại gần. Những làn sóng đồng tâm nhỏ xíu đùa nước hồ lên bờ như thể được gởi đến từ một nơi nào xa xăm.

- Ông bạn Pháp của tôi - Nguyên Mộc thăm thì, không quay người lại

Hai người ngồi bên nhau hàng giờ, khi nói chuyện, khi im miệng. Rồi Nguyên Mộc đứng dậy, và Hervé Joncour đứng lên theo. Bằng một cử chỉ không ai nhận thấy được, trước khi đặt chân lên con đường mòn, anh để rơi một chiếc găng tay xuống bên cạnh chiếc áo dài màu cam bỏ lại bên bờ hồ. Họ về đến ngôi làng thì trời đã tối.

Hervé Joncour là thượng khách của Nguyên Mộc trong bốn ngày. Như thể sống trong cung điện một ông vua. Cả ngôi làng sống cho ông, và không có một hành động nào, trong vùng đời này, mà không có mục đích để bảo vệ ông hay mang lại niềm vui cho ông. Cuộc sống rì rầm, vẫn động chậm chạp một cách cổ tình, mưu mẹo, giống như một con thú bị vây đón trong hang. Thế giới hình như xa đây hàng thế kỷ.

Hervé Joncour được dành riêng một ngôi nhà và năm người đầy tớ lúc nào cũng đi theo anh, bất cứ nơi nào. Anh ăn uống một mình, dưới bóng mát một cây nở những sắc hoa anh chưa từng thấy bao giờ. Một ngày hai lần, anh được dâng trà nước một cách trịnh trọng. Buổi tối, anh được đưa vào căn phòng lớn nhất nhà, nền lát đá, và anh thuận lòng làm theo nghi thức tắm rửa. Ba người đàn bà có tuổi, mặt đánh một loại phấn trắng nào đó, cho nước chảy trên thân thể anh và kỳ cọ, lau rửa bằng những tấm khăn lụa ẩm. Bàn tay các bà rập nhúng nhẹ nhàng.

Buổi sáng ngày thứ hai, Hervé Joncour trông thấy một người đàn ông da trắng đến làng: theo sau là hai xe kéo bốn bánh chất đầy những thùng gỗ lớn. Anh ta người Anh. Đến đây không phải để mua. Đến đây để bán.

- Vũ khí đó ông. Còn ông?

- Tôi à, tôi mua. Những con tằm.

Họ ăn tối với nhau. Tên người Anh có rất nhiều chuyện để kể: từ tám năm nay anh ta đi đi về về giữa châu Âu và Nhật Bản. Hervé Joncour chỉ nghe và chỉ vào phút chót mới lên tiếng hỏi.

- Ông có biết một người đàn bà, trẻ, người châu Âu, tôi nghĩ thế, da trắng, sống ở đây?

Tên Anh tiếp tục ăn, tỉnh queo.

- Không có đàn bà da trắng ở Nhật. Không có lấy được một người đàn bà da trắng nào trong khắp nước Nhật.

Tên Anh ra đi ngày hôm sau, túi nặng vàng.

Hervé Joncour chỉ gặp lại Nguyên Mộc vào sáng ngày thứ ba. Anh chợt nhận ra là năm người đầy tớ bỗng dưng biến đâu mất, tưởng như bị hóa phép, và một lát sau anh thấy ông đến nhà. Con người mà tất cả người, việc trong làng này sinh tồn xung quanh, lúc nào cũng di chuyển trong một cái bong bóng trống rỗng. Làm như có một mệnh lệnh ngầm nào đó bắt mọi người phải để ông sống một mình.

Họ cùng nhau trèo lên sườn đồi, đến một quảng rừng trống mà bầu trời trên đầu bị hàng chục con

chim bay với những đôi cánh lớn màu xanh nước biển vạch ngang, vạch dọc.

- Dân ở đây nhìn chim bay, và đoán được tương lai, hậu vận theo đường bay của chim.

Nguyễn Mộc nói.

- Khi tôi còn là đứa trẻ, cha tôi dẫn tôi đến một chỗ giống như chỗ này, ấn vào tay tôi cái cung và ra lệnh cho tôi bắn một con trong đám chim như thế này. Tôi bắn, và một con chim lớn có đôi cánh xanh màu nước biển rớt xuống đất như một cục đá. Hãy đọc đường tên bay, nếu con muốn biết tương lai mình ra sao, cha tôi nói với tôi lúc đó.

Những con chim bay chậm chạp, bay lên trời cao rồi bay xuống lại như thể chúng muốn xóa đi, một cách tỉ mỉ, bầu trời bằng đôi cánh.

Họ trở về làng, bước đi trong ánh sáng lạ thường của một buổi chiều lại giống như buổi tối. Đến trước ngôi nhà dành riêng cho Hervé Joncour, họ chào chia tay. Nguyễn Mộc quay lưng và bắt đầu bước, chậm rãi, đi xuống trên con đường chạy dọc theo bờ sông. Hervé Joncour vẫn đứng yên, trước ngưỡng cửa, nhìn theo ông: anh chờ ông đi chừng hai chục bước chân mới lên tiếng.

- Khi nào thì ông nói cho tôi biết cô gái đó là ai?

Nguyễn Mộc vẫn bước tiếp, chậm chạp nhưng không phải vì mệt mỏi. Chung quanh ông, chỉ có sự im lặng tuyệt đối, và sự trống không. Như thể tuân một mệnh lệnh đặc biệt, đi bất cứ đâu, ông luôn đi trong một nỗi cô đơn vô điều kiện, và hoàn hảo.

Buổi sáng ngày cuối cùng, Hervé Joncour ra khỏi nhà và bắt đầu đi lang thang trong làng. Anh gặp những người dân ông cúi gập người khi anh đi qua và những người đàn bà vừa hạ mặt xuống đất vừa mỉm cười chào anh. Anh biết là mình đã đến gần nơi cư ngụ của Nguyễn Mộc khi thấy một cái chuồng chim to quá có chứa một số lượng chim nhiều không thể tin được, đủ các loại: một cảnh tượng. Nguyễn Mộc có lần kể cho anh nghe là chim ông mua đến từ khắp nơi trên thế giới. Một vài con trong đám chim đó có giá trị cao hơn tất cả tơ lụa Lavilledieu sản xuất ra trong một năm. Hervé Joncour dùng chân để ngắm nghía sự chơi ngông tuyệt diệu này. Anh nhớ lại đã đọc trong một sách nào đó người phương đông thường không có tập tục tặng nữ trang để vinh danh sự chung thủy của các nàng tình nhân, mà tặng chim, những con chim quý hiếm, và tuyệt đẹp.

Ngôi nhà của Nguyễn Mộc dường như đắm chìm trong một cái hồ tĩnh lặng. Hervé Joncour tiến lại gần và dừng lại chừng vài thước cách lối ra vào, không có cửa và trên những tấm vách bằng giấy hiện lên rồi biến mất nhưng bóng người không gây ra một tiếng động, một âm thanh nào. Cuộc sống đâu phải như thế: nếu có một cái tên cho tất cả cảnh này, đó là: sân khấu. Hervé Joncour cứ đứng đó chờ, không biết chờ gì. Đứng im lặng, cách ngôi nhà chừng vài thước. Trong suốt quãng thời gian anh đứng đó để mặc cho số phận định đoạt, nhưng cái bóng và sự lặng lẽ là tất cả những gì chất lọc được từ cảnh tượng đặc biệt này. Thế thì anh đành quay lưng và bước đi, những bước chân vội vã, hướng về nhà. Đầu cúi xuống, anh nhìn bước chân mình để giúp anh khỏi phải nghĩ ngợi gì nữa.

Tối đó, Hervé Joncour sửa soạn hành trang. Rồi anh được dẫn tới căn phòng lớn có sàn lát đá sần sùng theo nghi thức tắm rửa như mấy ngày qua. Anh nằm xuống, khép mắt lại, và nghĩ đến cái chuồng chim to ngoài kho, bằng chứng ngông cuồng của tình yêu. Có ai đặt lên mặt anh cái khăn ướt. Hơi lạ, vì những lần tắm trước có ai làm vậy đâu. Theo bản năng, anh muốn gỡ nó ra, nhưng một bàn tay nắm lấy bàn tay anh, giữ chặt, giữ yên. Đây không phải bàn tay già nua của một người đàn bà già nua.

Hervé Joncour cảm thấy nước chảy trên thân thể mình, trên hai chân đầu tiên, rồi dọc theo hai cánh

tay, rồi trên ngực. Nước như dầu. Và một sự im lặng lạ thường bao quanh. Anh cảm thấy một tấm khăn phủ bằng lụa, ôi nhẹ biết bao, đặt lên người mình. Và hai bàn tay của một người đàn bà - của một người đàn bà - lau thân anh, vuốt ve da thịt anh, cùng khắp: hai bàn tay và mảnh lụa nhẹ như không. Anh nằm im không nhúc nhích chút nào, ngay cả khi anh cảm thấy hai bàn tay lần từ vai lên cổ, và những ngón tay - lụa, ngón tay tiến dần lên tay mình anh, vuốt nhẹ qua đôi môi anh, một lần, rất chậm, rồi thôi, rồi biến mất.

Hervé Joncour còn cảm thấy được tấm khăn lụa kéo lên cao và rời khỏi anh. Cảm giác cuối cùng là một bàn tay mở bàn tay anh ra và đặt vào lòng bàn tay cái gì đó.

Anh chờ đợi rất lâu, bất động, trong im lặng. Rồi, chậm rãi, anh gỡ tấm khăn ướt ra khỏi mặt. Chẳng còn chút sáng nào trong phòng. Chẳng còn ai xung quanh anh. Anh đứng lên, cúi nhặt tấm áo choàng xếp gọn nằm dưới đất, vắt lên vai, ra khỏi phòng, đi xuyên qua căn nhà, đến trước tấm chiếu của mình, ngã người xuống. Anh bắt đầu quan sát ngọn lửa run rẩy bé xíu bên trong cái đèn lồng. Và, một cách chuyên chú, anh bắt Thời Gian dừng lại, đứng lại trong suốt quãng thời gian anh mong muốn.

Sau đó, anh mở bàn tay ra, đâu khó gì, và thấy miếng giấy. Vài chữ Nhật viết thảo chữ này nằm dưới chữ kia. Mực đen.

Ngày hôm sau, sớm, buổi sáng, Hervé Joncour lên đường. Anh mang theo anh, giấu trong hành lý, hàng ngàn trứng tằm, nói cách khác, anh mang tương lai của thị trấn Lavilledieu, công ăn việc làm cho hàng trăm người và sự giàu có cho chục người khác. Khi con lộ quẹo về phía trái và ngôi làng bị che khuất mãi mãi sau lưng đồi, anh ngừng lại, chẳng bận tâm đến hai người đàn ông tháp tùng anh. Anh xuống ngựa và dừng một lúc ở ven đường, đưa mắt nhìn đắm đắm những ngôi nhà nằm rải rác lưng chừng đồi.

Sáu ngày sau, ở Cao Cương, Hervé Joncour lên chiếc tàu của bọn buôn lậu Hà Lan đưa anh trở lại Sabirk. Từ đó, anh đi ngược lên, dọc theo biên giới Tàu cho tới hồ Baikal, băng qua bốn ngàn cây số trên đất Sibérie, vượt rặng núi Oural, đến lại thành Kiev, và xuyên qua châu Âu bằng tàu lửa, từ đông sang tây, như thể sau một cuộc hành trình về nước dài ba tháng trời, anh đến Pháp. Ngày chủ nhật đầu tiên của tháng tư - vừa kịp giờ dự lễ ca - anh về đến cửa ngõ vào thị trấn Lavilledieu. Anh thấy người vợ Hélène chạy ra đón anh, và ngửi được mùi thơm da thịt khi ôm sát nàng trong vòng tay, và cảm được cái ngọt mà như nhưng trong giọng nói khi nàng lên tiếng.

- Anh đã về.

Âu yếm, dịu ngọt.

- Anh đã về.

Cuộc sống ở thị trấn Lavilledieu trôi đều, giản dị, bình thường, điều chỉnh bằng trật tự và phương pháp. Hervé Joncour để cuộc sống đi lướt qua mình trong bốn mươi một ngày. Ngày thứ bốn hai, anh đầu hàng, mở ngăn kéo trong chiếc rương hành lý, rút ra một tấm bản đồ Nhật Bản, mở ra, và cảm lên mảnh giấy nhỏ anh đã giấu trong đó từ mấy tháng nay. Vài chữ Nhật viết thảo chữ này nằm dưới chữ kia. Mực đen. Anh ngồi vào bàn, và nhìn mảnh giấy ấy, rất lâu.

Anh tìm được Baldabiou ở quán Verdun, đang đánh bi da. Ông bao giờ cũng chơi một mình, chống lại chính mình. Những ván bi da kỳ quặc. Tên lạnh lặn chống tên cụt tay, ông gọi thế. Ông đánh một cú bình thường, và cú tiếp theo, chỉ dùng một tay. Ngày nào tên cụt tay thắng - Ông tuyên bố - ngày đó ông sẽ bỏ thị trấn này ra đi. Từ bao nhiêu năm nay, tên cụt tay thua hoài.

- Ông Baldabiou, tôi phải tìm cho ra người nào, ở đây, biết đọc tiếng Nhật.

Tên cụt tay phóng ra một cú "hai băng" với "ép phê lùi".

- Thì hỏi Hervé Joncour, hẳn cái gì cũng biết hết.
- Tôi à? Tôi chẳng hiểu mô tê gì cái thứ tiếng đó.
- Nhưng ở đây, cậu là một người Nhật.
- Có lẽ thế, nhưng tôi chẳng biết gì cái tiếng đó cả.

Tên lạnh lặn khom người trên bàn bi da và thọc một cú "ngọn đèn trần" tính sáu điểm.

- Như vậy thì chỉ còn Bà Bạch nương. Bà có một tiệm bán vải ở thành phố Nimes. Trên lầu tiệm bán vải là nhà thờ. Bà cũng làm chủ luôn. Giàu. Người Nhật.

- Người Nhật à? Và làm sao bà ta sang tận đây được?
- Đừng hỏi bà gì cả, nếu cậu muốn nhờ bà chuyện gì. Chó đẻ!

Tên cụt tay vừa mới đánh hông một cú "ba băng", mất tới mười bốn điểm.

Hervé Joncour nói với người vợ Hélène anh phải đi Nimes, vì công việc làm ăn. Và anh sẽ quay về nhà cùng ngày.

Anh leo lên tầng thứ nhất ở trên tiệm vải, số 12 đường Moscat, và tỏ ý muốn gặp Bạch nương. Họ bắt anh đợi rất lâu. Phòng khách được bày biện như thể cho một cuộc truy hoan bắt đầu từ nhiều năm trước và không bao giờ chấm dứt. Các chị em ta đều trẻ và đều là người Pháp. Một tên nhạc công dương cầm đang chơi, một cách nhỏ nhẹ, nhưng điệu nhạc mang hương vị Nga. Mỗi khi chấm dứt một bài nhạc, anh ta đưa bàn tay mặt lên vuốt tóc và nói thầm thì.

- Thế đấy.

Hervé Joncour ngồi chờ gần hai tiếng đồng hồ. Rồi anh được dẫn đi dọc theo một hành lang cho tới cánh cửa cuối cùng. Anh mở và bước vào.

Bạch nương đang ngồi trong một chiếc ghế bành lớn, không xa cửa sổ. Nàng mặc một áo kimono bằng vải mỏng, nhẹ: toàn một màu trắng. Nàng đeo ở những ngón tay, như thể đeo nhẫn, những nụ hoa nhỏ màu xanh nước biển rất đậm. Tóc đen nhánh, nét mặt phương đông, tuyệt đẹp.

- Cái gì khiến ông nghĩ rằng ông đủ giàu để ngủ với tôi ?

Hervé Joncour vẫn đứng, trước mặt nàng, mũ còn trên tay.

- Tôi muốn nhờ bà một việc. Bất kể giá cả.

Rồi anh móc từ túi trong của áo vét mảnh giấy nhỏ, được gấp làm tư, đưa ra trước mặt nàng:

- Tôi phải biết cái gì viết trong đó.

Bạch nương không để một bắp thịt nào trên mặt động đậy. Vẫn giữ đôi môi hé nở, tưởng như thời tiền sử của một nụ cười.

- Thưa bà, tôi xin nhờ bà.

Nàng chẳng có lý do gì trên đời để làm chuyện này. Vậy mà nàng cầm lấy tờ giấy, mở ra, nhìn vào. Nàng nhướng mắt nhìn Hervé Joncour rồi hạ ánh mắt xuống. Nàng gấp miếng giấy lại, chậm rãi. Khi nàng

ngiêng người về phía trước, để trả lại tờ giấy cho anh, chiếc áo kimono mở hé ra trước ngực nàng. Hervé Joncour thấy rõ nàng chẳng mặc gì bên trong, da thịt nàng tươi và trắng ngần.

- Trở lại, không tôi chết mất.

Hervé Joncour bỏ mảnh giấy vào lại túi trong áo vét.

- Cảm ơn bà.

Anh gật đầu chào, quay người, bước về phía cửa và sắp sửa đặt vài tờ giấy bạc lên bàn.

- Bỏ qua đi.

Hervé Joncour lưỡng lự một lát.

- Tôi không nói chuyện tiền bạc. Tôi nói chuyện người đàn bà đó. Bỏ qua đi. Cô ta sẽ không chết đâu và ông cũng biết vậy.

Không quay người lại, Hervé Joncour đặt những tờ giấy bạc xuống bàn, mở cửa và ra về.

Baldabiou kể rằng đôi khi có những người đàn ông đến từ Paris để làm tình với Bạch nương. Về lại kinh đô, họ đeo trên ve áo đuôi tôm một vài nụ hoa xanh nhỏ xíu, giống như những nụ hoa nàng lúc nào cũng đeo trên những ngón tay như đeo từng ấy chiếc nhẫn.

Mùa hè năm đó, lần đầu tiên trong đời Hervé Joncour đưa vợ đến vùng biển nghỉ mát Riviera. Họ ngụ hai tuần lễ trong một khách sạn ở thành phố Nice mà phần lớn khách là người Anh; khách sạn cũng có tiếng nhờ những đêm hòa nhạc dành riêng cho khách mình. Hélène tin rằng trong một khung cảnh, một nơi chốn đẹp đẽ như thế này, vợ chồng nàng sẽ thụ thai được một đứa con mà hai người hoài công chờ đợi từ bao năm nay. Cả hai đồng tình nghĩ rằng đứa con đó sẽ là con trai. Và nó sẽ mang tên Philippe. Họ tham dự một cách kín đáo vào sinh hoạt vui chơi nơi thành phố biển, rồi sau đó trong những phòng riêng, vui đùa với nhau bằng cách cười cợt những nhân vật kỳ quặc mà họ gặp. Một buổi tối, nơi hòa nhạc, họ làm quen một người Ba Lan làm nghề buôn bán áo choàng da lông: ông ta nói ông có đi Nhật.

Đêm trước ngày họ ra về, Hervé Joncour tự nhiên tỉnh giấc dù trời còn tối, ngồi dậy, rồi lại gần giường Hélène. Ngay chính lúc nàng mở mắt, anh nghe giọng nói của chính mình thì thầm dịu dàng:

- Anh sẽ yêu em mãi mãi.

Chương 30 -> 42

Vào đầu tháng chín, những nhà chán tằm ở Lavilledieu họp nhau lại để quyết định những gì phải làm. Chính phủ đã gửi xuống Nimes một nhà sinh học trẻ để nghiên cứu chứng bệnh đã làm cho trứng tằm nuôi ở Pháp trở nên vô dụng. Anh tên là Louis Pasteur: anh làm việc với những ống kính hiển vi đủ sức nhìn ra những cái vô hình: người ta kể anh đã tìm được những kết quả lạ lùng. Từ Nhật, những tin tức đến tại đây loan rằng nội chiến sắp xảy ra đến nơi, xúi giục bởi những lực lượng chống đối sự mở cửa cho người ngoại quốc vào nước. Tòa lãnh sự Pháp, mới mở ở Hoành Tân, gửi về những bức điện khuyên can hiện nay hãy khoan thiết lập những quan hệ thương mại với đảo quốc, nên chờ một thời điểm khác thuận lợi hơn. Là những người quen thân trọng, ưa dấn dỏ và nhạy cảm với những chi phí lớn lao phải chi ra cho mỗi chuyến đi bí mật vào Nhật, nhiều chức sắc ở Lavilledieu nói rằng tốt hơn nên dẹp sang một bên các chuyến viễn hành của Hervé Joncour, và chờ năm nay, nên mua trứng tằm qua trung gian những nhà nhập cảng lớn ở vùng Trung Đông: sự cung cấp trứng từ họ ít hay nhiều được bảo đảm, đáng tin. Baldabiau nghe họ nói, nghe tất cả, nhưng không mở miệng. Vào lúc cuối, khi đến lượt mình lên tiếng, ông chỉ đặt cây gậy bằng gỗ sòng lên bàn và giương mắt nhìn về phía người đang ngồi trước mặt ông. Và chờ.

Hervé Joncour biết rõ những nghiên cứu của Pasteur, và anh cũng đọc những tin tức đến từ Nhật nhưng anh luôn luôn từ chối lên tiếng bình luận về những gì mình biết. Anh thích dùng thời gian xem đi, xét lại dự án cái công viên anh muốn xây chung quanh nhà. Trong một góc kín nơi bàn làm việc, anh giữ mảnh giấy nhỏ xúu gấp làm tư, với vài chữ Nhật viết thảo chữ này nằm dưới chữ kia, mực đen. Anh có một số tiền dự trữ khá lớn ở ngân hàng, sống cuộc đời yên lặng và vuốt ve cái ảo tưởng không hoàn toàn vô lý là anh sẽ thành cha một ngày gần đây. Khi Baldabiau đưa mắt nhìn anh, anh nói.

- Chính ông phải quyết định, ông Baldabiau.

Hervé Joncour lên đường đi Nhật vào những ngày đầu tháng mười. Anh qua biên giới Pháp gần thành Metz, đi xuyên vùng Wurtemberg và vùng Bavière, vào nước Áo, lên thành Vienne rồi thành Budapest bằng tàu lửa rồi tiếp tục đi đến thành Kiev. Anh cưỡi ngựa băng qua hai ngàn cây số vùng thảo nguyên Nga, vượt rặng núi Ural, tiến vào vùng Sibérie, mất hết bốn chục ngày nữa mới đến được hồ Baikal mà người dân địa phương gọi là: người cuối cùng. Anh xuôi dòng sông Amour, đi dọc theo biên giới Tàu cho đến bờ Đại Dương, và khi tới đó anh nằm dài mười ngày ở hải cảng Sabirk chờ đợi một con tàu của bọn buôn lậu Hà Lan đưa anh tới Capo Teraya ở bờ biển phía tây nước Nhật. Điều anh nhận thấy được ở đây là cả nước rơi vào sự chờ đợi hỗn loạn và kéo dài một cuộc chiến chưa chịu bùng nổ. Anh đi suốt mấy ngày đường không cần phải thận trọng như những lần trước, bản đồ các quyền lực cũng như các hệ thống kiểm soát đường sá hình như tan biến xung quanh anh khi mà cuộc chiến sắp xảy ra đến nơi sẽ vẽ lại hoàn toàn các bản đồ trên. Ở Bạch Xuyên, anh gặp người sẽ dẫn anh đến chỗ Nguyên Mộc. Họ đi ngựa suốt hai ngày thì thấy ngôi làng. Hervé Joncour xuống ngựa đi bộ vào làng để cho cái tin anh đến đây vào trong làng trước anh.

Anh được đưa đến một trong những căn nhà cuối cùng trong làng, nằm trên cao, cạnh bìa rừng. Năm người đẩy tớ cho anh. Anh giao hành lý cho họ và đi ra ngoài hiên nhà. Cuối làng nhưng ở phía bên kia, đối diện nơi anh đang đứng, anh nhận ra dinh thự của Nguyên Mộc, cao hơn các nhà khác không bao nhiêu nhưng được bao bọc xung quanh bằng những cây thông bá hương to cao, ngạo nghễ, che cho sự cô đơn quanh quẩn của ngôi nhà. Hervé Joncour tiếp tục nhìn mãi cái dinh thự đó, làm như chẳng có gì khác từ đây đến tận chân trời. Như vậy mà anh thấy, cuối cùng, thỉnh thoảng, bầu trời phía trên dinh thự đen ngịt hàng ngàn con chim bay loạn xạ như thể chúng bùng nổ tan tã từ mặt đất, những con chim đủ loài, choáng váng, phát cuồng bay trốn bốn phương tám hướng, hót líu lo và kêu oang oác, pháo bông nổ bùng tung tóe những

cánh chim, mây đầy màu dội lên ánh sáng và trời đầy tiếng hoảng hốt, âm nhạc trốn chạy, bầu trời đỏ, bay lên.

Hervé Joncour mỉm cười.

Cả làng bắt đầu xáo xác như tổ kiến phát khùng: mọi người chạy lên chạy xuống, ngược xuôi, la hét lung tung, ngóng mắt lên trời như theo dõi những con chim vừa sổ lồng, những con chim trong bao nhiêu năm là niềm hãnh diện của chủ nhân chúng, bây giờ là sự xúc phạm mang trên những đôi cánh bay loạn xạ trên trời.

Hervé Joncour rời nhà và đi xuống xuyên qua làng lần nữa, chân bước chậm, mắt nhìn về phía trước và anh có vẻ không thấy gì quanh mình. Anh là sợi chỉ bằng vàng chạy thẳng trong sợi khổ của một tấm thảm do một tên điên ngồi dệt. Anh qua cầu trên sông, đi xuống tận những cây thông bá hương to cao, bước vào dưới bóng chúng rồi ra khỏi ở chỗ khác. Trước mặt anh, anh thấy cái chuồng chim to kèch xù hoàn toàn trống trơn, những cửa chuồng mở toang hoác. Và trước chuồng chim, một người đàn bà. Hervé Joncour không nhìn quanh nhưng cứ tiếp tục bước đi, chậm rãi, chỉ ngừng khi anh đến ngay trước mặt nàng.

Đôi mắt nàng không có dáng phương đông, và khuôn mặt nàng là khuôn mặt của một cô gái trẻ.

Hervé Joncour bước thêm một bước về phía nàng, đưa cánh tay ra trước và mở bàn tay. Trong lòng bàn tay, mảnh giấy nhỏ gấp làm tư. Nàng thấy và nở ra một nụ cười tỏa sáng cả khuôn mặt. Nàng đặt bàn tay mình lên bàn tay của Hervé Joncour, dịu dàng nắm lại, giữ như thế một lát, rồi rút tay về, nhưng ngón tay kẹp theo mảnh giấy nhỏ, cái mảnh giấy đã đi vòng quanh thế giới đó. Nàng vừa mới giấu nó vào trong nếp áo thì đã nghe tiếng của Nguyên Mộc.

- Hoan nghênh ông đã đến, người bạn Pháp.

Ông đứng cách họ vài bước. Áo kimono màu sẫm, tóc đen cột túm sau gáy một cách hoàn hảo. Ông bước lại gần. Xem xét chuồng chim, nhìn kỹ từng cánh cửa một bị mở toang hoang.

- Chúng sẽ quay về đây. Đâu dễ gì cưỡng lại sự cám dỗ lôi kéo ta quay về, phải thế không?

Hervé Joncour không trả lời. Nguyên Mộc nhìn thẳng vào mắt anh và nói dịu dàng:

- Đi với tôi.

Hervé Joncour theo ông. Anh đi được vài bước thì quay về phía cô gái và cúi người chào.

- Tôi hi vọng sớm gặp lại cô.

Nguyên Mộc vẫn bước tiếp.

- Cô ta không biết tiếng nước anh đâu.

Ông nói.

- Đi.

Tối hôm đó Nguyên Mộc mời Hervé Joncour đến nhà ông. Dự tiệc có vài người đàn ông trong làng, và những người đàn bà ăn vận rất sang trọng, trang nhã, mặt đánh phấn trắng và tô những màu rực rỡ. Người ta uống rượu saké, người ta hút bằng những ống gỗ dài một loại thuốc lá có vị chát và gây choáng váng. Những tên làm trò đến, và một tên trong bọn làm mọi người cười nghiêng ngả bằng cách bắt chước

người và thú vật. Ba người đàn bà già chơi những nhạc cụ bằng dây, lúc nào cũng cười. Nguyên Mộc ngồi chỗ danh dự, áo quần đen, đi chân không. Ngồi bên cạnh ông là người đàn bà có khuôn mặt cô gái trẻ trong một cái áo dài bằng lụa thật lộng lẫy. Hervé Joncour lại ở tận cuối phòng, xa nhưng đối diện nàng: anh thấy ngọt ngào vì mùi nước hoa ngai ngái của những người đàn bà xung quanh và anh cười ngượng ngịu, lúng túng, với những người đàn ông vui thích kể cho anh nghe đủ thứ chuyện mà anh chẳng hiểu gì hết. Cả ngàn lần anh tìm ánh mắt nàng, và cả ngàn lần nàng bắt được ánh mắt anh. Như một bản khiêu vũ buồn, trầm kín và không bao giờ thỏa mãn. Hervé Joncour khiêu vũ như thế cho đến khi đêm đã khuya, thật khuya, rồi anh đứng dậy, nói vài điều gì đó bằng tiếng Pháp để xin lỗi, gỡ tay một người đàn bà muốn cùng anh về nhà, và anh mở đường đi giữa đám khói thuốc lá mù mịt và những người đàn ông vỗ vai, chào hỏi anh bằng ngôn ngữ không thể hiểu của họ, anh đi tới cửa. Trước khi ra khỏi căn phòng, anh nhìn về phía nàng một lần nữa. Nàng đang nhìn theo anh, từ đôi mắt hoàn toàn câm nín, nhìn anh từ bao thế kỷ này.

Hervé Joncour đi lang thang trong làng, hít thở không khí mát mẻ ban đêm, bị lạc trong những con lộ nhỏ dẫn lên sườn đồi. Khi về đến nhà, anh thấy một cái đèn lồng thấp sáng lung lay sau tấm ván bằng giấy. Anh vào nhà và bắt gặp hai người đàn bà, đứng trước mặt mình. Một người phương đông, trẻ, mặc một chiếc áo kimono trắng, giản dị. Và nàng. Mắt nàng sáng lên, cuống quýt một niềm vui. Không để cho anh kịp nói hay làm gì, nàng đến gần, cầm bàn tay anh, đưa lên mặt, vuốt nhẹ lên đôi môi nàng, rồi nắm thật chặt, nàng để nó lên đôi bàn tay của cô gái đứng cạnh nàng, giữ như vậy một vài giây ngăn ngui để bàn tay anh không thể thoát ra. Sau cùng nàng rút tay mình về, bước lui hai bước, cầm cái đèn lồng, nhìn vào đôi mắt của Hervé Joncour một khoảnh khắc rồi đi như chạy. Cái đèn lồng màu cam. Nàng biến mất trong đêm đen, cái ánh sáng nhỏ nhoi sao nữ trốn đi.

Hervé Joncour chưa từng thấy cô gái này bao giờ, và thực tình anh cũng không thấy nàng, đêm hôm ấy. Trong căn phòng không có ánh sáng, anh cảm thấy cái đẹp của thân thể nàng, và anh biết nhận ra bàn tay và môi miệng nàng. Anh làm tình với nàng hàng giờ, làm những cử chỉ anh chưa bao giờ làm trước đó, và để cho nàng dạy anh sự chậm rãi, khoan thai mà tới bây giờ anh không biết. Trong bóng tối, thực không hề gì làm tình với nàng, và không làm tình với nàng. Trước rạng đông một lát, cô gái đứng lên, mặc lại chiếc áo kimono trắng, và ra đi.

Một buổi sáng, Hervé Joncour trông thấy một người phụ tá cho Nguyên Mộc chờ mình trước nhà. Ông ta mang đến mười lăm phiến vỏ cây dâu phủ đầy trứng tắc: nhỏ xíu, màu ngà. Hervé Joncour xem xét từng phiến một, kỹ lưỡng, rồi thương lượng giá cả và trả bằng những thỏi vàng. Trước khi ra về, anh làm cho ông ta hiểu là anh muốn gặp Nguyên Mộc. Ông ta lắc đầu quầy quậy. Hervé Joncour hiểu ra, qua điệu bộ Ông, là Nguyên Mộc đã ra đi ngay sáng nay, sớm, với đoàn tùy tùng, và chẳng ai biết khi nào ông ấy về lại đây.

Hervé Joncour chạy băng qua đường làng đến tại nhà của Nguyên Mộc. Anh chỉ gặp được những người đầy tớ chỉ biết lắc đầu trước mỗi câu hỏi của anh. Ngôi nhà có vẻ trống vắng. Và mặc dầu cố tìm kiếm, lục lọi xung quanh, ngay trong những đồ vật nhỏ nhất, vô nghĩa nhất, anh chẳng thấy có gì giống như một lời nhắn gửi để lại cho anh. Anh rời ngôi nhà, và trên đường về làng, đi ngang trước cái chuồng chim to lớn ngoài kho. Những cánh cửa đã được khép kín lần nữa. Bên trong, hàng trăm con chim bay qua bay lại, như núp tránh trời cao.

Hervé Joncour còn chờ thêm hai ngày nữa một dấu hiệu nào đó. Rồi anh lên đường.

Độ chừng hơn nửa giờ đi đường sau khi rời làng, anh bỗng dừng nghe một âm thanh lạ thường và trông như tiếng bạc phát ra từ một cánh rừng. Giấu mình giữa những tầng lá là hàng ngàn đốm sậm của một đàn chim dừng bay ở đây để nghỉ ngơi. Chẳng nói chẳng rằng với hai người tháp tùng, Hervé Joncour dừng ngựa, rút khẩu súng lục ra khỏi bao và bắn sáu phát lên cao. Đàn chim hoảng hốt đập cánh bay vút lên trời, trông như cột khói bốc lên từ một đám cháy. Đàn chim bay cao, rất cao, đến nỗi ta còn thấy chúng

cách đây mấy ngày đường. Chim bay làm bầu trời tối sầm, đâu có mục đích nào khác hơn là lạc một lối về.

Sáu ngày sau, ở Cao Cương, Hervé Joncour lên chiếc tàu của bọn buôn lậu Hà Lan đưa anh trở lại Sabirk. Từ đó anh đi ngược lên, dọc theo biên giới Tàu cho tới hồ Baikal, băng qua bốn ngàn cây số vùng đất Sibérie, vượt rừng núi Oural, đến được lại thành Kiev rồi lên tàu lửa đi suốt châu Âu, từ đông sang tây, như thể sau một cuộc hành trình về nước dài ba tháng trời, anh đến Pháp. Ngày chủ nhật đầu tiên của tháng tư - vừa kịp giờ dự lễ ca - anh về đến cửa ngõ vào thị trấn Lavilledieu. Anh cho ngừng xe, và ngồi bất động trong nhiều phút đằng sau tấm màn cửa kéo kín. Rồi anh xuống xe và tiếp tục đi bộ, bước chân này sau bước chân kia, với một sự mệt mỏi vô hạn.

- Không phải cuộc chiến tôi chờ đợi - anh trả lời.

Đêm đó anh vào giường Hélène và làm tình với nàng một cách nóng nảy, vội vã đến độ khiến nàng phát sợ và phát khóc. Khi nàng thấy anh chợt nhận ra phản ứng của mình, nàng tự ép mình nở một nụ cười cho anh.

- Chỉ vì em sung sướng quá thôi - dịu dàng nàng nói với anh.

Hervé Joncour giao trứng cho những nhà chăn tằm ở Lavilledieu. Rồi suốt mấy ngày anh không chường mặt ra ngoài, lơ là luôn thói quen hàng ngày đến quán Verdun. Vào những ngày đầu tháng năm và trước sự sững sờ của mọi người, anh mua lại ngôi nhà hoang của ông Jean Berbek, cái ông mà một ngày kia không muốn nói với người đời một lời nào nữa và cứ ngậm miệng cho đến khi từ giả cõi người. Mọi người nghĩ rằng anh có ý biến cái nhà thành một xưởng mới. Anh chẳng bận tâm phá bỏ nó đi. Đôi khi anh tới đó, một mình đi tới, đi lui trong các căn phòng, để làm gì, chẳng ai biết. Một bữa kia, anh đưa Baldabiau đến đó.

- Chắc ông, ông biết tại sao Jean Berbek tự nhiên ngậm miệng không nói nữa? - Anh hỏi Baldabiau.

- Đó là một trong nhiều điều ông ta không bao giờ mở miệng nói ra.

Bao nhiêu năm đã trôi qua mà những bức trảm vẫn còn treo trên tường và nồi niêu vẫn còn nằm ở giá ráo nước, bên cạnh bồn rửa chén bát. Chẳng vui gì khi nhìn mấy cảnh này, và Baldabiau, về phần ông, muốn ra khỏi đây cho rồi. Nhưng Hervé Joncour chú nhìn, mê man, những bức tường mốc meo và không còn sức sống. Rõ ràng rồi: anh ta tìm kiếm cái gì đó, ở đây.

- Có lẽ đôi khi cuộc đời xoay chuyển một cách kỳ cục, lạ lùng khiến ta chẳng còn gì để nói thêm vào.

Anh nói.

- Chẳng còn gì. Chẳng bao giờ nữa.

Baldabiau không phải là người đủ sức, đủ vóc trong những cuộc nói chuyện đứng đắn. Ông nhìn cái giường của Jean Berbek.

- Có lẽ bất cứ ai cũng thành cảm mẹ nó chứ còn gì nữa ở trong cái nhà gớm ghiếc này.

Hervé Joncour vẫn tiếp tục cuộc sống khép kín trong nhiều ngày, ít khi chường mặt ra ngoài, và dành hết thời gian cho dự án cái công viên mà anh sẽ xây lên, một ngày kia. Anh bôi đen bao nhiêu tờ giấy với những hình vẽ kỳ quặc, trông như những cổ máy. Một buổi tối, Hélène hỏi anh.

- Cái gì thế?

- Chuồng chim.

- Chuông chim à?

- Phải.

- Để làm gì?

Hervé Joncour vẫn chăm chú nhìn các hình vẽ.

- Em đem chim về bỏ đầy chuông, nhiều chim chừng nào tùy sức em, và một ngày nào đó có chuyện xảy ra làm em sung sướng, hạnh phúc, em mở rộng cửa chuông và em nhìn chúng bay ra, bay lên trời cao.

Vào cuối tháng bảy, Hervé Joncour đi cùng người vợ xuống thành phố Nice. Họ ngụ trong một biệt thự nhỏ nằm bên bờ biển. Chính Hélène chọn nó, nàng tin rằng sự tĩnh lặng của ngôi nhà nằm cô lập sẽ làm dịu bớt tính khí u sầu có vẻ choáng hết con người chồng nàng. Tuy nhiên, nàng rất khôn khéo khi làm như sự chọn lựa này là do tính thất thường, đồng bóng của riêng mình, và như thế làm cho người đàn ông nàng yêu cảm thấy thỏa mãn khi tha thứ cho nàng.

Họ sống chung ba tuần lễ trong niềm hạnh phúc ít ỏi và nguyên vẹn. Trong những ngày trời không nóng quá, họ thuê một cỗ xe ngựa và đi khám phá trong niềm vui thú những làng mạc giấu mình rải rác sau những ngọn đồi, từ đó nhìn xuống, biển trông giống như cảnh bài trí trên những tấm giấy hoa dán tường. Đôi khi họ xuống phố dự một đêm hòa nhạc hay dạ hội. Một buổi tối họ nhận lời mời của một nam tước người Ý dự dạ tiệc sang trọng mừng sinh nhật sáu mươi tuổi của ông ở khách sạn Thụy Sĩ. Tới lúc ăn tráng miệng, Hervé Joncour tình cờ đưa mắt về phía Hélène. Nàng ngồi phía bên kia bàn, bên cạnh một người đàn ông Anh hào hoa và có duyên, lạ lùng thay, ông ta mang trên ve áo dạ hội một cái nhẫn kết bằng những nụ hoa xanh nhỏ. Hervé Joncour thấy ông ta nghiêng người và thầm thì điều gì sát bên tai Hélène. Nàng bật cười, một cái cười tuyệt đẹp, và khi cười nàng nghiêng đầu về phía người Anh đến mức để tóc nàng vượt nhẹ vai ông ta, một cử chỉ tự nhiên, không thấy có gì lúng túng nhưng rất chính xác làm anh ta bối rối. Hervé Joncour hạ ánh mắt xuống đĩa đồ ăn. Anh không thể không nhận ra bàn tay mình đang cầm chặt chiếc thìa nhỏ bằng bạc bắt đầu run rẩy thấy rõ.

Sau đó, ở phòng hút thuốc, Hervé Joncour, người lão đảo vì hơi quá chén, đến gần một người đàn ông ngồi một mình ở bàn, mắt nhìn về phía trước với vẻ mặt hơi ngơ ngác. Anh chồm người về phía ông, nói chậm chạp.

- Thưa ông, tôi phải loan báo cho ông một điều hệ trọng. Chúng ta cả thầy đều đang ghê tởm. Chúng ta cả thầy đều tuyệt diệu và chúng ta cả thầy đều đang ghê tởm.

Ông đến từ Drese. Buôn bán bê bò và chẳng hiểu được tiếng Pháp bao nhiêu. Ông ta bật lên một tràng cười ồm ồm, vừa lúc lắc cái đầu nhiều lần tỏ vẻ đồng tình, không biết khi nào ông mới dứt cơn cười bỏ như thế.

Hervé Joncour và người vợ còn ở vùng Riviera cho đến đầu tháng chín. Họ cảm thấy buồn ngủi khi phải rời cái biệt thự nhỏ vì giữa những bức tường này họ cảm nhận số phận yêu nhau của họ với tấm lòng thanh thản.

Từ sáng sớm Baldabiau đã đến nhà Hervé Joncour. Họ ngồi dưới hiên cổng.

- Cái công viên này chẳng thấy gì đẹp cả.

- Tôi chưa bắt đầu xây nó mà.

- Ủa, thật à?

Baldabiou không bao giờ hút thuốc vào buổi sáng. Ông móc ống điếu, nhồi thuốc và châm lửa.

- Tôi đã gặp tên Pasteur. Anh ta cừ lắm. Đã chỉ cho tôi. Đủ sức phân biệt trứng nào vương bệnh, trứng nào lành mạnh. Dĩ nhiên, anh ta không chữa được. Nhưng đủ sức cách ly những trứng khỏe. Và anh ta nói rằng chắc độ ba mươi phần trăm số trứng ta sản xuất là lành mạnh.

Ngừng.

- Người ta kể ở Nhật chiến tranh đã bùng nổ, lần này là thực sự. Người Anh giao vũ khí cho phía chính phủ, người Hà Lan trang bị súng ống cho phe nổi loạn. Hình như họ có thỏa ước ngầm. Họ để cho dân Nhật làm thịt lẫn nhau, và sau đó họ sẽ lấy tất cả và chia chác giữa họ với nhau. Tòa lãnh sự Pháp ngồi nhìn, chẳng làm trò trống gì khác, chỉ ngồi nhìn thôi. Chỉ giờ ngồi gởi những bức điện kể lể chuyện tàn sát và những ngoại kiều bị cắt cổ họng như cừu.

Ngừng.

- Còn cà phê không?

Hervé Joncour rót thêm cà phê cho ông.

Ngừng.

- Hai tên Ý đó, Ferreri và tên... kia, hai đứa đi Tàu năm ngoái đó... chúng trở về với mười lăm ngàn lượng trứng, hàng tốt, bọn làm cho Bollet đã mua một số, bảo rằng trứng thuộc loại thượng hạng. Hai đứa đó sẽ đi lại trong tháng tới... Chúng đề nghị với chúng ta một hợp đồng hấp dẫn, giá cả đưa ra rất phải chăng, mười một quan một lượng, tất cả đều được bảo hiểm. Chúng là dân đảng hoàng, có cả một tổ chức vững chắc sau lưng, bán trứng cho một nửa châu Âu. Dân đảng hoàng lắm, tôi bảo đảm cậu.

Ngừng.

- Tôi không biết, nhưng có lẽ chúng ta sẽ xoay sở được. Với trứng riêng của ta, với sự nghiên cứu hiện nay của Pasteur, và những gì ta mua được từ hai tên Ý... ta sẽ làm được việc. Ở cái thị trấn này, thiên hạ đã lên tiếng, chỉ có điên mới gởi cậu đi xuống đó lần nữa... với tất cả những phí tổn không tránh được... họ nói, nhiều bất trắc quá, và họ có lý chứ không phải chơi đâu, những lần trước thì khác, nhưng bây giờ... bây giờ đâu dễ gì về lại đây toàn mạng.

Ngừng.

- Thực tế mà nói, họ không muốn chấp nhận cái nguy cơ mất trứng. Và tôi, tôi không muốn mất cậu.

Hervé Joncour đưa mắt nhìn đăm đăm cái công viên chưa ra đời, chưa có mặt. Rồi anh làm một chuyện mà xưa nay anh chưa bao giờ làm.

- Tôi sẽ đi Nhật.

Anh nói.

- Tôi sẽ mua trứng, và nếu cần, tôi sẽ bỏ tiền ra mua. Ông chỉ việc quyết định bán trứng cho ông hay không, hay là ông bán cho người nào khác.

Baldabiou đâu có cho sự thể xảy ra như vậy. Như thể thấy tên cụt tay thẳng bàn bi da, vào cú chót, thọc quả banh chạy bốn băng bàn, một hình học không thể có.

Baldabiau loan báo cho những người chẵn tằm ở Lavilledieu rằng Pasteur chẳng đáng tin chút nào, rằng hai tên người Ý đã quịt cả một nửa châu Âu, rằng ở Nhật chiến tranh sẽ chấm dứt trước mùa đông tới và nữ thánh Agnès trong chiêm bao đã hỏi thẳng ông có phải những người chẵn tằm là một bọn nhát như cáy. Nhưng với Hélène ông không thể nói láo.

- Có thực sự cần thiết anh ấy phải đi không, ông Baldabiau?

- Không.

- Thế thì tại sao?

- Tôi không thể ngăn nó. Và nếu nó muốn đi xuống đó, tôi chỉ có thể cho nó một lý do để mà nó còn trở về đây.

Tất cả những người chẵn tằm ở Lavilledieu, dù muốn dù không, đều đóng góp phần mình tài trợ cho chuyến viễn hành. Hervé Joncour bắt đầu sửa soạn hành trang, và vào những ngày đầu tháng mười, anh sẵn sàng lên đường. Như mọi năm, Hélène giúp anh chuyện này, chuyện nọ, không mở miệng hỏi anh điều gì và giữ riêng cho mình những nỗi lo âu. Chỉ vào buổi tối cuối cùng, sau khi tắt đèn nạng mới thấy mình đủ sức nói với anh.

- Hứa với em là anh sẽ trở về.

Với một giọng quả quyết, gần như nghiêm khắc.

- Hứa với em là anh sẽ trở về.

Trong bóng tối, Hervé Joncour trả lời.

- Anh hứa.

Chương 43 -> 57

Ngày 10 tháng mười năm 1864, Hervé Joncour làm chuyến viễn hành thứ tư sang Nhật. Anh qua biên giới Pháp gần thành Metz, đi xuyên qua vùng Wurtemberg và vùng Bavière, vào nước Áo, lên thành Vienne rồi thành Budapest bằng tàu lửa, tiếp tục đi đến thành Kiev. Anh cưỡi ngựa băng qua hai ngàn cây số vùng thảo nguyên Nga, vượt rặng núi Ural, tiến vào Sibérie, mất hết bốn chục ngày nữa anh mới đến được hồ Baikal mà người dân địa phương gọi là: ông thánh. Anh xuôi dòng sông Amour, đi dọc theo biên giới Tàu cho đến bờ Đại dương, và khi tới đó anh nằm dài tám ngày ở hải cảng Sabirk chờ đợi một con tàu của bọn buôn lậu Hà Lan đưa anh tới Capo Teraya ở bờ biển phía Tây nước Nhật. Đi ngựa trên những con đường phụ, anh băng ngang các tỉnh Thạch Xuyên, Hộ Sơn, Tân Tích, vào sâu trong tỉnh Phúc Đạo. Khi đến thành phố Bạch Xuyên, anh thấy nó đã bị tàn phá hết một nửa và một đội quân chính phủ đóng trại giữa cảnh hoang tàn. Anh rời thành phố bằng cách đi vòng về phía đông và chờ đợi suốt năm ngày một phái viên của Nguyên Mộc, một cách vô ích. Vào rạng đông ngày thứ sáu, anh ra đi về phía những ngọn đồi, theo hướng bắc. Anh chỉ có vài tấm bản đồ được vẽ phỏng chừng và những gì còn ghi lại trong trí nhớ. Anh lang thang nhiều ngày cho tới khi anh nhận ra một con sông, rồi một đám rừng, rồi một con lộ. Tận cùng con lộ, anh tìm ra ngôi làng của Nguyên Mộc: bị đốt cháy hoàn toàn, nhà cửa, cây cối, tất cả.

Chẳng còn gì cả.

Chẳng một bóng người.

Hervé Joncour đứng im, sững sờ, nhìn đăm đăm cái đám cháy rực lửa kèch xù đã tắt. Sau lưng anh là một con đường dài tám ngàn cây số. Và trước mặt anh, không có gì. Bỗng dưng anh thấy ra cái mà anh đã tin là không thể nào thấy được.

Sự tận thế.

Hervé Joncour ở lại hằng giờ giữa những tàn tích của ngôi làng. Anh thấy không đủ sức bỏ đi, mặc dù anh chưa biết rõ mọi giờ phút ở đây có thể mang đến tai họa cho anh và cả cho toàn thị trấn Lavilledieu: anh không có trứng tầm, và ngay cả tìm được trứng để mua, anh chỉ còn hai tháng ngắn ngủi để băng qua thế giới một lần nữa trước khi trứng nở, biến thành một đồng sâu tầm vô dụng. Ngay trễ một ngày thôi có thể xem như chấm dứt, không làm ăn được gì nữa. Anh biết rõ điều này, vậy mà anh vẫn thấy không đủ sức bỏ đi. Anh cứ ở đó, cho tới khi một việc đáng ngạc nhiên và phi lý xảy ra: thỉnh linh, không biết từ đâu ra một thằng nhỏ xuất hiện. Ăn mặc rách rưới, nó đi chậm chạp, nhìn người xa lạ này với nỗi sợ hãi trong mắt. Hervé Joncour không cử động. Thằng nhỏ còn bước vài bước rồi ngừng. Cả hai đều bất động, nhìn nhau, cách nhau vài thước. Rồi thằng nhỏ lui cui rút ra thứ gì đó từ tấm áo rách, bước lại gần Hervé Joncour, người run lên vì sợ, đưa nó cho anh. Một chiếc găng. Hervé Joncour thấy mình nhớ lại một bờ hồ, và tấm áo choàng màu cam bỏ trên đất, và những con sóng nhỏ đùa nước vào bờ, như thể những con sóng này được gọi đến từ một nơi nào xa thẳm. Anh cầm chiếc găng và mỉm cười với thằng nhỏ.

- Tôi đây, người Pháp đây... người tơ lựa, người Pháp, em hiểu không? Tôi đây.

Thằng nhỏ ngừng run.

Nó có đôi mắt lóng lánh, có lẽ vì nước mắt, nhưng bây giờ nó cười. Nó bắt đầu nói, gần như hét, rồi chạy đi, ra dấu cho Hervé Joncour chạy theo. Nó biến mất trong một con đường mòn dẫn vào rừng, theo hướng núi.

Hervé Joncour vẫn ngồi nguyên chờ. Anh lật qua lật lại chiếc găng, như thể nó là một di vật duy nhất cho anh còn sót lại từ một thế giới đã bị chìm ngập. Anh biết bây giờ đã trễ quá rồi. Và anh chẳng còn có sự chọn lựa nào nữa.

Anh đứng dậy. Chậm rãi, anh bước lại gần con ngựa. Leo lên yên. Rồi anh làm một điều kỳ quặc. Anh thúc gót giày vào bụng ngựa. Và lên đường. Hướng vào rừng, theo sau thằng nhỏ, đi cho tới tận bên kia sự tận thế.

Cuộc hành trình lên phía bắc của họ kéo dài nhiều ngày, xuyên qua những rặng núi. Hervé Joncour không biết cả hai đang đi về đâu nhưng anh cứ để cho thằng nhỏ dẫn đường, không tìm cách hỏi nó gì cả. Họ vào đến hai ngôi làng. Dân chúng trốn lánh trong nhà. Đàn bà trốn đi nơi khác. Thằng nhỏ tỏ ra vui thích la hét những lời không thể hiểu sau lưng dân làng. Nó không quá mười bốn tuổi. Nó cứ thối hoai cái ống sáo bằng sậy phát ra những tiếng kêu thuộc đủ loại chim trên mặt đất. Nó trông như người đang trải qua những giây phút đẹp đẽ nhất của đời mình.

Ngày thứ năm, họ lên đến một đỉnh đèo. Thằng nhỏ đưa tay chỉ một điểm trước mắt, trên con đường đi xuống thung lũng. Hervé Joncour rút ống dòm và cái anh thấy là một đoàn người đang kéo nhau đi: đàn ông mang vũ khí, đàn bà và trẻ em, xe kéo bốn bánh, súc vật. Toàn bộ một làng đang di chuyển trên đường. Anh thấy, ngồi trên ngựa, mặc đồ đen, Nguyên Mộc. Sau lưng ông là một cái kiệu đi hơi lắc lư, khép kín bốn bên bằng những tấm vải màu sắc lộng lẫy.

Thằng nhỏ xuống ngựa, nói cái gì đó rồi bỏ chạy. Trước khi biến mất sau những bụi cây, nó quay lại, đứng im một lát, tìm một cử chỉ để nói lên cuộc hành trình vừa qua rất tốt đẹp.

- Chuyến đi này rất tốt đẹp - Hervé Joncour nói tỏ vẻ phía nó.

Suốt ngày hôm đó, Hervé Joncour đi theo đoàn người, từ xa. Khi anh thấy họ dừng chân để nghỉ qua đêm, anh cứ cho ngựa đi tiếp trên đường cho tới khi hai người đàn ông mang vũ khí chặn anh lại, giữ lấy ngựa và hành lý, và dẫn anh vào một căn lều. Anh ngồi chờ rất lâu, rồi Nguyên Mộc đến. Ông ta không chào. Cũng không ngồi xuống.

- Làm sao tới được đây, tên Pháp kia?

Hervé Joncour không trả lời.

- Tôi hỏi ông ai đã dẫn ông tới tận đây.

Im lặng.

- Ở đây, chẳng có gì cho ông cả. Chỉ có chiến tranh. Và đâu phải cuộc chiến của ông. Nên rời khỏi đây đi.

Hervé Joncour rút ra một túi nhỏ bằng da, mở ra và đổ trút xuống đất. Những thỏi vàng.

- Chiến tranh là một cuộc chơi tốn kém lắm. Ông cần tôi, và tôi cũng cần ông.

Nguyên Mộc không buồn nhìn cả những thỏi vàng vung vãi trên đất. Ông quay lưng và bỏ đi.

Hervé Joncour ngủ qua đêm ngoài bìa trại của đoàn người. Chẳng ai nói chuyện với anh, chẳng ai tỏ ra thấy anh. Họ ngủ dưới đất, gần những đám lửa trại. Chỉ có hai căn lều. Gần một căn, Hervé Joncour nhận ra cái kiệu, trống rỗng: móc ở bốn góc kiệu là bốn lồng chim nhỏ: những con chim. Những quả chuông nhỏ xíu bằng vàng được treo ở mắt lưới lồng chim. Chuông kêu thánh thót, nhẹ nhàng trong làn gió nhẹ ban

đêm.

Khi anh thức dậy, anh thấy cả làng lảng xăng sửa soạn lên đường. Hai cái lều đã gỡ đi. Chiếc kiệu vẫn còn đó, còn trống. Dân làng leo lên những chiếc xe kéo, trong im lặng. Anh đứng dậy, nhìn lâu và kỹ xung quanh mình, nhưng những cặp mắt bắt gặp ánh mắt anh, tất cả đều có dáng phương đông, và hạ xuống tức khắc. Anh thấy những người đàn ông mang vũ khí, và những đứa trẻ không khóc la. Anh thấy những khuôn mặt khép kín thường gặp ở những con người trên đường trốn chạy. Và anh thấy một cây to bên bờ đường. Và treo cổ vào một cành cây là thằng nhỏ đã dẫn anh đến tận đây.

Hervé Joncour tiến đến gần, đứng im một lúc lâu, nhìn xác thằng nhỏ như thể bị thôi miên. Rồi anh gỡ sợi dây treo ở cành cây, hạ thân xác thằng nhỏ xuống, để nó nằm dài trên đất rồi quỳ xuống bên cạnh. Anh không thể nào rời mắt khỏi khuôn mặt thằng nhỏ. Vì vậy anh đã không thấy cả đoàn người ra đi, chỉ nghe thôi, tưởng chừng đến từ nơi nào rất xa, những tiếng động của dòng người đi lướt qua anh khi lên mặt lộ. Anh không đưa mắt nhìn lên, ngay cả khi anh nghe tiếng Nguyễn Mộc, cách anh hai bước, nói:

- Nhật là một nước rất lâu đời, ông biết không? Luật lệ của nó cũng rất lâu đời: luật nói rằng có mười hai trọng tội, qua đó cho phép kết án tử hình những ai phạm vào. Và một trong mười hai tội đó là người đầy tớ mang thư tình của nữ chủ nhân trao cho người khác.

Hervé Joncour vẫn không rời mắt khỏi khuôn mặt thằng nhỏ bị giết.

- Nó có mang bức thư tình nào đâu.

- Chính nó là bức thư tình.

Hervé Joncour cảm thấy vật gì ấn chặt vào gáy mình khiến anh phải cúi đầu gần sát mặt đất.

- Tên Pháp này, đây là khẩu súng trường. Tôi yêu cầu ông không được nhìn lên.

Hervé Joncour không hiểu ngay tức khắc. Rồi giữa tiếng xào xạc của dòng người trên đường trốn chạy, anh nghe âm thanh trong trẻo như tiếng vàng, thánh thót, từ hàng ngàn quả chuông nhỏ xú, tiến lại gần anh, lần lần, và mặc dù trước mắt anh chỉ là mặt đất đen, anh cũng hình dung được chiếc kiệu, lắc lư, đựng đưa như quả lắc đồng hồ, anh hầu như thấy được nó rồi, đang đi lên mặt lộ, từng bước một, tiến lại gần anh, chậm rãi nhưng da diết, tưởng như được khiêng bởi những âm thanh này, càng lúc càng to hơn, to không thể chịu được, càng lúc càng gần hơn, gần như lướt sát bên anh, cái tiếng chuông vàng bây giờ đã đến trước mặt anh, ngay trước mặt anh, vào cái khoảnh khắc chính xác này, trước mặt anh.

Hervé Joncour ngừng đầu lên.

Những tấm vải tuyệt đẹp, lụa, bao bọc chiếc kiệu, hàng ngàn sắc màu, cam, trắng, bạc, màu đất son, nhưng không có chỗ nào mở ra trong cái tổ lồng lầy này, chỉ có tiếng rào rạt của những sắc màu gợn sóng trong gió, không thể nào xâm nhập được, nhẹ hơn hư không.

Hervé Joncour không nghe tiếng nổ kết liễu đời mình. Anh nghe những tiếng chuông thánh thót xa dần, nòng súng trường rút khỏi gáy anh, và tiếng nói của Nguyễn Mộc, dịu ngọt.

- Hãy rời khỏi đây, anh người Pháp. Và không bao giờ quay lại nữa.

Chẳng còn gì khác ngoài sự im lặng trên đường. Xác thằng nhỏ trên mặt đất. Một người đàn ông quỳ. Cho tới những tia sáng cuối cùng trong ngày.

Hervé Joncour mất hết mười một ngày mới tới được Hoành Tân. Anh hỏi lộ một công chức Nhật mua

được mười sáu hộp trứng tằm đến từ miền nam đảo. Anh gói trứng trong những tấm khăn lụa, bỏ vào trong bốn thùng tròn bằng gỗ, bít kín và gan xi. Anh xoay sở lên được một chiếc tàu thủy đưa anh về đại lục, và vào những ngày đầu tháng ba anh đến bờ biển Nga. Anh chọn con đường cực bắc, tìm thời tiết lạnh để ngăn chặn trứng phát triển bình thường, kéo dài thời gian còn lại trước khi trứng nở. Dầm mưa dãi tuyết, anh băng qua bốn ngàn cây số vùng Sibérie, vượt rặng núi Oural và đến Saint - Pétersbourg. Anh mua hàng tạ nước đá với giá vàng ròng, cho chất vào hầm tàu chung với các thùng gỗ chứa trứng trong một chiếc tàu thủy đi Hambourg. Mất hết sáu ngày mới đến hải cảng đó. Anh lấy xuống bốn cái thùng tròn bằng gỗ và lên tàu lửa xuôi Nam. Khoảng mười một giờ đồng hồ sau khi rời ga, vừa ra khỏi ngôi làng tên là Eberfeld, tàu dừng lại lấy nước. Hervé Joncour nhìn quanh. Một mặt trời mùa hè chói lọi chiếu sáng trên màu xanh những đồng lúa mì, và trên cả mặt đất. Ngôi trước mặt anh là một lái buôn người Nga: ông ta đã cởi giày và quạt lấy, quạt đề với trang chót của một tờ báo viết bằng tiếng Đức. Hervé Joncour nhìn kỹ ông. Anh thấy những đốm mồ hôi trên áo sơ mi và những giọt mồ hôi đọng trên trán và trên cổ ông. Người Nga vừa nói cái gì đó, vừa cười. Hervé mỉm cười với ông, đứng dậy, lấy hành lý và xuống tàu. Anh đi ngược lên toa cuối cùng, toa hàng hóa cho cá và thịt ướp trong nước đá. Nước chảy rì như một cái chậu bị bắn thủng bởi ngàn viên đạn. Anh mở cửa toa, leo vào và lấy xuống từng cái một bốn thùng tròn bằng gỗ, đem ra ngoài, đặt xuống đất, bên cạnh đường rầy. Rồi anh đóng cửa toa tàu lại, và chờ. Khi tàu sắp sửa chuyển bánh, hành khách trên tàu la hét kêu anh gấp rút nhanh chân leo lên nhưng anh lắc đầu và ra dấu chào từ biệt. Anh nhìn đoàn tàu xa dần rồi khuất hẳn. Anh chờ cho tới khi chẳng còn nghe một tiếng động nào nữa. Rồi anh cúi xuống trước một thùng gỗ, cắt xi và mở ra. Chậm rãi, cẩn thận.

Hàng triệu con sâu tằm. Chết.

Đó là ngày 6 tháng năm 1865.

Hervé Joncour vào thị trấn Lavilledieu chín ngày sau đó. Người vợ Hélène trông thấy từ xa chiếc xe leo lên lúi vào nhiều bậc trước nhà. Nàng tự nhủ không nên khóc và không nên bỏ trốn.

Nàng đi xuống tận cửa ra vào, mở ra và đứng ở ngưỡng cửa.

Khi Hervé Joncour đến gần, nàng mỉm cười. Anh xiết chặt người nàng trong vòng tay, nói dịu dàng.

- Ở lại với anh, anh mong lắm.

Đêm đó họ thức khuya, ngồi trên bãi cỏ trước nhà, người này bên cạnh người kia. Hélène kể cho anh nghe về Lavilledieu, về những tháng đợi ngày chờ vừa qua, nhất là những ngày cuối cùng, khủng khiếp.

- Anh đã chết.

Nàng nói.

- Và chẳng còn cái gì đẹp nữa, trên đời này.

Trong các nông trang ở Lavilledieu, người ta nhìn những cây dâu đầy lá xanh tươi và thấy sự phá sản của họ. Baldabiou tìm mua được một số trứng nhưng những con sâu tằm chết ngay khi ra ánh sáng. Số lượng tơ sống rút từ những con sâu tằm sống sót hiếm hoi chỉ vừa đủ cho hai nhà máy dệt làm việc, hai trên bảy nhà máy trong vùng.

- Cậu có ý nào không? - Baldabiou hỏi.

- Một ý - Hervé Joncour trả lời.

Ngày hôm sau anh loan báo cho mọi người biết là anh có ý định, vào mùa hè này, bắt đầu cho xây cái

công viên xung quanh nhà anh. Anh thu dụng, đàn ông, đàn bà trong thị trấn, hàng chục người. Họ đồn cây, đào góc trên ngọn đồi, san một số chỗ cho bớt dốc, làm cho sườn đồi dẫn xuống thung lũng trở nên thoải thoải. Bằng cây cối và hàng rào, họ dựng lên những mê cung nhẹ nhàng và thấy sướng. Bằng đủ loài hoa, họ tạo ra những mảnh vườn hiện ra bất ngờ giữa những lùm cây bulô như những quảng rừng trông bất ngờ hiện ra khi ta đi trong rừng. Họ bắt nước từ sông lên, rồi cho nước chảy xuống, từ đài nước này sang đài nước nọ, cho đến ranh giới phía tây của công viên, ở đó nước làm thành một hồ nhỏ được những đồng cỏ bao bọc. Về phía nam, giữa những cây chanh và cây ô liu, họ xây một chuồng chim cao lớn, làm bằng gỗ và sắt, trông như một bức đồ thêu treo trên không.

Họ làm việc suốt bốn tháng. Vào cuối tháng chín, công viên hoàn thành. Mọi người ở Lavilledieu chưa từng bao giờ thấy một công viên như thế. Họ đồn rằng Hervé Joncour tiêu hết vốn liếng cho nó. Họ còn nói thêm là anh từ khi ở Nhật về đã đổi khác, có lẽ bệnh hoạn. Họ nói anh đã bán trứng cho người Ý và bây giờ có một tài sản bằng vàng cất giữ trong các ngân hàng ở Paris. Họ cũng nói nếu không có công việc xây dựng công viên này, tất cả bọn họ đã chết đói vào năm đó. Họ nói anh là một tên bịp. Họ nói anh là một ông thánh. Một vài người lại nói: anh có cái gì đó, như một nỗi bất hạnh vụn vào người.

Tất cả những gì Hervé Joncour kể về chuyến đi là số trứng mua ở Nhật đã nở ra tại một làng quê gần Cologne, và cái làng ấy mang tên Eberfeld.

Bốn tháng sau và mười ba ngày sau khi về quê nhà, Baldabiou đến ngồi đối diện với anh, bên bờ hồ, ở ranh giới phía tây của công viên và nói với anh.

- Dù sao đi nữa, cậu phải nói ra sự thật, với ai đó, sớm hay muộn.

Ông nói một cách nhẹ nhàng, và phải cố gắng lắm, vì ông không tin, không bao giờ tin, là sự thật có thể phục vụ hay có ích cho cái gì.

Hervé Joncour đưa mắt nhìn ra công viên.

Mùa thu đã đến mang về một thứ ánh sáng hão huyền lan tràn mọi chốn.

- Lần đầu tiên tôi thấy Nguyễn Mộc, ông ta mặc một tấm áo sậm màu, ngồi xếp bằng, bất động, trong một góc phòng. Một người đàn bà nằm dài bên cạnh, đầu tựa lên đùi ông. Đôi mắt nàng không có dáng phương đông và khuôn mặt nàng là khuôn mặt của một cô gái trẻ.

Baldabiou nghe trong im lặng, cho tới đoạn cuối, cho tới chuyến tàu ở Eberfeld.

Ông không suy nghĩ gì cả.

Ông chỉ nghe.

Ông cảm thấy đau nhói khi nghe Hervé Joncour nói dịu dàng, nhỏ nhẹ để kết luận.

- Tôi chẳng bao giờ nghe được ngay cả giọng nói của nàng.

Và một lát sau.

- Đó là một nỗi đau khổ lạ lùng.

Dịu dàng.

- Chết vì luyến tiếc não nùng một cái gì mà ta chưa bao giờ sống qua.

Hai người đi ngược lên trong công viên, bên cạnh nhau. Điều duy nhất Baldabiau thốt ra là:

- Nhưng vì cái quái gì mà trời lạnh dữ dội thế này?

Ông nói thế, vào một lúc sau đó.

Vào đầu năm mới - 1866 - Nhật Bản chính thức cho phép xuất khẩu trứng tằm.

Trong thập niên tiếp theo, nước Pháp nhập vào một số lượng trứng Nhật lên đến mười triệu quan tiền Pháp.

Bắt đầu từ năm 1869, kênh đào Suez được mở ra, đi Nhật chỉ mất không quá hai mươi ngày. Và từ đó trở lại, ít hơn một chút.

Lựa nhân tạo sẽ được cấp bằng sáng chế vào năm 1884 cho một người Pháp tên là Chardonnet.

Sáu tháng sau khi về lại Lavilledieu, Hervé Joncour nhận qua đường bưu điện một bì thư màu vàng sẫm. Khi mở ra, anh thấy có bảy tờ giấy dày đặc chữ viết kiểu hình học: mực đen, chữ Nhật. Ngoại trừ tên và địa chỉ ngoài bì thư, chẳng có gì được viết bằng chữ phương tây. Theo những con tem, lá thư hình như được gửi từ Ostende.

Hervé Joncour giờ ra từng tờ, và xem xét rất lâu. Nó giống như một quyển sưu tập những dấu chân chim nhỏ bé được sắp đặt từ một niềm say mê tỉ mỉ. Thật ngạc nhiên khi nghĩ rằng thật ra đó là những dấu hiệu, là tro tàn của một tiếng nói đã bị ngọn lửa thiêu đốt.

56

Trong nhiều tuần lễ, Hervé Joncour giữ bức thư trên người anh, gấp làm đôi để trong túi. Khi anh thay quần áo, anh cẩn thận để bức thư vào túi quần áo mới thay. Không bao giờ anh mở nó ra để ngắm nhìn. Thỉnh thoảng anh thọc những ngón tay rờ rẫm, vuốt ve nó trong khi anh nói chuyện với một tá điền hay chờ giờ ăn tối, ngồi trước hiên nhà. Vào một buổi tối, anh bắt đầu xem xét nó trước ánh sáng ngọn đèn trong phòng làm việc của anh. Giấy mỏng thấy xuyên qua được, những dấu chân chim bé xíu lên tiếng với một giọng ghen ngào. Chúng nói lên một điều gì tuyệt đối vô nghĩa, hay là điều gì đủ sức làm đảo lộn một đời người: không thể nào biết được và Hervé Joncour thấy mình bằng lòng với ý nghĩ này. Anh nghe bước chân của Hélène. Anh đặt lá thư lên bàn. Nàng lại gần và cũng như mọi tối muốn hôn anh một cái trước khi về phòng riêng của mình. Khi nàng cúi người để hôn, chiếc áo khoác về đêm hé lộ nửa chừng trước ngực nàng. Hervé Joncour thấy rõ nàng không mang gì cả, bên trong, và đôi vú nàng thì nhỏ và trắng ngần như của một cô gái trẻ.

Trong bốn ngày, anh tiếp tục cuộc sống đều đặn, giữ nguyên những nề nếp sinh hoạt thận trọng hàng ngày. Buổi sáng ngày thứ năm, anh mặc bộ đồ lớn màu xám trang nhã và lên đường đi Nîmes. Anh nói anh sẽ về nhà trước khi trời tối.

Đường Moscat, ở số 12, mọi sự trông giống như ba năm trước. Cuộc truy hoan cũng vẫn không chấm dứt. Các chị em ta đều trẻ và đều là người Pháp. Người nhạc công dương cầm vẫn chơi một cách nhỏ nhẹ những bản nhạc mang hương vị Nga. Có lẽ vì tuổi già, có lẽ vì nỗi đau tột tệ nào đó: mỗi khi chấm dứt một bài, anh ta không còn đưa bàn tay lên mặt vuốt tóc, và cũng chẳng còn nói thầm thì:

- Thế đấy.

Anh ta lặng lẽ, nhìn xuống đôi bàn tay mình, bối rối.

Chương 58 -> 65 (Hết)

Bạch nương tiếp anh không nói lấy một lời. Tóc đen nhánh, nét mặt phương đông, tuyệt đẹp. Những nụ hoa xanh nhỏ ở giữa những ngón ngay như chừng ấy nhẵn. Một chiếc áo dài, trắng, hầu như trong suốt. Đi chân không.

Hervé Joncour ngồi đối diện nàng. Anh móc túi lấy ra lá thư.

- Bà còn nhớ tôi không?

Bạch nương khẽ gật đầu, chừng một ly.

- Tôi cần bà một lần nữa.

Anh. Nàng chẳng có lý do gì để nhận nhưng vẫn đưa tay cầm, và mở ra. Nàng nhìn kỹ bảy tờ giấy, từng tờ một, rồi nhướng mắt về phía Hervé Joncour.

- Thưa ông, tôi không thích thứ tiếng này chút nào. Tôi muốn quên nó, và tôi muốn quên cái xứ sở đó, cuộc đời tôi ở đó, và tất cả cái khác.

Hervé Joncour ngồi bất động, hai tay nắm chặt chỗ dựa tay của chiếc ghế bành.

- Tôi sẽ đọc thư này cho ông nghe. Tôi sẽ đọc. Và tôi không muốn tính chuyện tiền nong. Nhưng tôi cần một lời hứa: ông đừng bao giờ trở lại đây nữa nhờ tôi làm việc này.

- Thưa bà, tôi hứa.

Nàng nhìn thẳng vào mặt anh. Rồi nàng hạ ánh mắt xuống trang thứ nhất của lá thư, giấy bản, mực đen.

- Ông chúa yêu quý của em.

Nàng nói:

- Đừng sợ, đừng cục cựa, cứ im lặng, không ai thấy được chúng ta đâu.

- Nằm im như thế, em muốn nhìn anh, em đã nhìn anh nhiều lần rồi nhưng anh đâu có thuộc về em, và bây giờ anh là của em, anh đừng lại gần, anh yêu, xin đừng, cứ nằm tại chỗ như thế, ta có một đêm riêng tư, và em muốn nhìn anh, chưa bao giờ em thấy anh như bây giờ, thân xác anh là của em, da thịt anh, nhắm mắt lại, anh tự vuốt ve đi, em khẩn khoản cầu anh.

Bạch nương nói, Hervé Joncour lắng nghe.

- Đừng mở mắt ra, nếu anh đủ sức nhắm mắt hoài, và anh tự vuốt ve bàn tay anh đẹp biết mấy, em đã nằm mơ bao nhiêu lần khiến bây giờ em muốn nhìn nó, em muốn nhìn bàn tay anh như thế, trên da thịt anh, tiếp tục, em khẩn khoản cầu anh, đừng mở mắt ra, em đây, không ai có thể trông thấy chúng ta, và em đang ở bên anh đây, anh vuốt ve anh đi, ông chúa yêu quý của em, em khẩn khoản cầu anh, chậm rãi, dịu dàng.

Nàng ngừng.

- Tiếp tục, tôi xin bà - anh nói.

- Nó đẹp lắm, bàn tay anh, đừng ngừng lại, em thích nhìn nó và nhìn anh, ông chúa yêu quý của em, đừng mở mắt ra, chưa đâu, anh đừng lo sợ gì cả, em đang ở bên anh đây, anh nghe được em không? Em đây, vuốt nhẹ anh dịu dàng, lựa đây, anh cảm thấy không? Lựa áo dài của em, đừng mở mắt và anh sẽ có da thịt em.

Nàng nói, đọc nhỏ nhẹ, với giọng của một đàn bà - trẻ con.

- Anh sẽ có đôi môi em, khi nào em chạm vào anh lần đầu tiên, em sẽ chạm bằng môi, anh không biết chỗ nào, nhưng vào một lúc nào đó anh sẽ cảm thấy hơi ấm từ đôi môi em, trên người anh, anh không thể biết chỗ nào nếu anh không mở mắt, đừng mở mắt, anh, anh sẽ cảm thấy miệng em, anh không biết chỗ nào, bất ngờ. Anh lắng nghe, bất động, từ cái túi nhỏ trên ngực áo vết xăm của anh trồi ra ngoài một chiếc khăn tay trắng ngần, có lẽ trên đôi mắt anh, em sẽ ấn miệng em xuống trên mí mắt và lông mày, lông mi, anh sẽ cảm thấy hơi ấm đi sâu vào đâu, và đôi môi em trên mắt anh, trong mắt anh, em sẽ ấn môi em, chỗ đó, và em sẽ mở đôi môi ra từ từ khi đi xuống.

Nàng nói, và đầu nàng cúi xuống trên những trang giấy, và nàng vuốt nhẹ cổ mình, chậm rãi, bằng đầu những ngón tay, anh lắng nghe, để ánh mắt mình dán vào cái khung ảnh bằng bạc, trống rỗng, treo trên tường.

Rồi vào lúc cuối cùng em sẽ hôn lên chỗ trái tim anh, vì em muốn anh, em sẽ cắn ngáp chỗ da thịt đập theo nhịp tim anh, vì em muốn anh, và khi em có được quả tim anh dưới môi em, anh sẽ thuộc về em, thật sự, với môi miệng em trong quả tim anh, anh sẽ thuộc về em, mãi mãi, nếu anh không tin em thì hãy mở mắt ra ông chúa yêu quý của em và nhìn em, em đây này, có ai bao giờ đủ sức xóa nhòa được cái khoảnh khắc này, thân xác em không còn lựa bao phủ, bàn tay anh vuốt ve, đôi mắt anh nhắm

Nàng nói, và nàng nghiêng mình về phía ngọn đèn, ánh sáng rọi lên những tờ giấy và xuyên qua chiếc áo dài mỏng suốt của nàng.

Những ngón tay anh trên người em, lưỡi anh trên môi em, thân anh trượt đuổi thân em, anh kéo chặt hông em đẩy người em lên, rồi để thân em trượt trên anh, dịu dàng, có ai bao giờ đủ sức xóa nhòa được kỷ niệm này, anh ở trong em xô dịch chậm chạp, bàn tay anh trên mặt em, những ngón tay trong miệng em, niềm sung sướng hiện rõ trong mắt anh, tiếng nói anh, anh xô dịch chậm chạp, tất cả làm em gần như đau, niềm vui sướng của em, tiếng nói của em.

Anh lắng nghe, vào một lúc nào đó anh quay người để nhìn nàng, anh thấy nàng, anh muốn hạ ánh mắt mình xuống nhưng thấy mình không thể làm được, thân em ở trên người anh, lưng anh nâng em lên, vòng tay anh không để em rời anh, những cú thúc, cú đẩy của anh trong người em, sự mãnh liệt và dịu dàng, em thấy mắt anh tìm kiếm ánh mắt em, đôi mắt muốn biết tới lúc nào anh làm em đau, cứ làm tới mức mà anh muốn, anh vui, ông chúa yêu quý của em, không có chấm dứt, không thể chấm dứt, niềm vui này, anh không thấy sao? không ai đủ sức xóa nhòa khoảnh khắc này bao giờ, mãi mãi anh sẽ ngửa đầu ra sau, kêu lên, mãi mãi em sẽ nhắm mắt lại để những giọt nước mắt rơi khỏi mi, tiếng nói em ở trong tiếng nói anh, sự mãnh liệt khi anh ôm chặt em, chẳng còn thời gian để trốn tránh, chẳng còn sức lực để kháng cự, khoảnh khắc này phải có, khoảnh khắc này đã có, hãy tin em, ông chúa yêu quý của em, và khoảnh khắc này sẽ có, bây giờ và mãi mãi, nó sẽ có, cho đến lúc tận cùng.

Nàng nói giọng nhỏ thôi, rồi im bật.

Không còn chữ nào nữa trên tờ giấy nàng cầm trong tay: tờ cuối cùng. Nhưng khi nàng lật nó để đặt lên bàn thì thấy ở trang sau còn có vài chữ được viết thẳng hàng cẩn thận, mực đen ở giữa giấy trắng. Nàng

đưa mắt lên nhìn Hervé Joncour. Nàng bắt gặp ánh mắt của anh nhìn nàng từ bao giờ, và nàng chợt nhận ra đôi mắt đó đẹp tuyệt vời. Nàng lại hạ một lần nữa ánh mắt mình xuống trang giấy.

- Chúng ta chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa, ông chúa của em.

Nàng nói.

Điều gì dành riêng cho đời ta, chúng ta đã làm, như ông biết. Tin em đi: hai ta đã thực hiện nó mãi mãi. Hãy giữ đời ông ngoài đời em. Và đừng có lưỡng lự một giây lát nào cả, nếu thấy nó có ích cho hạnh phúc của ông, quên đi người đàn bà này mà bây giờ xin nói với ông, không nuôi tiếc, vĩnh biệt.

Nàng tiếp tục nhìn tờ giấy một lát, rồi đặt lên trên những tờ khác, bên cạnh nàng, trên cái bàn gỗ nhỏ màu sáng. Hervé Joncour ngồi bất động. Anh chỉ quay đầu và hạ ánh mắt. Anh cứ nhìn cái nếp quần của mình, thẳng thóm, trên chân phải, từ đùi tới đầu gối.

Bạch nương đứng dậy, nghiêng người tắt đèn. Căn phòng chỉ còn lại chút ít ánh sáng đến từ phòng khách thông qua cửa sổ. Nàng lại gần Hervé Joncour, kéo ra khỏi ngón tay chiếc nhẫn kết bằng những nụ hoa nhỏ xíu và đặt bên cạnh anh. Rồi nàng đi xuyên căn phòng, mở một cánh cửa nhỏ, sơn và giấu trong tường, và đi khuất để cánh cửa chỉ khép nửa chừng thôi sau lưng.

Hervé Joncour còn ngồi lại rất lâu trong cái ánh sáng lạ lùng đó, xoay đi xoay lại chiếc nhẫn kết bằng những nụ hoa xanh nhỏ xíu giữa những ngón tay. Những nốt nhạc của chiếc đàn dương cầm mệt mỏi đến từ phòng khách: những nốt nhạc xóa nhòa thời gian khiến ta khó lòng nhận ra nó nữa.

Cuối cùng anh đứng dậy, đến gần cái bàn gỗ nhỏ màu sáng, thu lại bảy tờ giấy bản. Anh đi xuyên căn phòng, đi ngang trước cánh cửa nhỏ chỉ khép nửa chừng không ngoái đầu lại, và ra về.

Hervé Joncour trải qua những năm đầu sợ hãi bằng cách chọn cho mình một lối sống trong sáng thích hợp với một người không còn như câu nào nữa trong đời. Ngày tháng trôi qua với những xúc động vừa phải mà anh đã định trước. Ở thị trấn Lavilledieu anh được thiên hạ ngưỡng mộ trở lại vì người hình như thấy nơi anh một cách thể đứng đắn sống ở đời. Họ còn nói anh đã như thấy ngay trong thời tuổi trẻ, trước chuyến đi Nhật.

Anh còn có thêm một thói quen mới là hàng năm, cùng với người vợ Hélène, anh đi du lịch đây đó, không xa. Họ viếng Naples, Madrid, Munich, La Mã, Luân Đôn. Có năm họ đi tận Prague, nơi mà mỗi thứ có vẻ như: sân khấu. Họ đi, chẳng bận tâm về ngày giờ hay chương trình. Và thấy ngạc nhiên trước mọi sự: ngay trước hạnh phúc của mình, một cách thâm kín. Khi nào cảm thấy nhớ sự tĩnh lặng, họ lại quay về thị trấn Lavilledieu.

Nếu được hỏi, Hervé Joncour trả lời là họ sẽ tiếp tục sống như thế, mãi mãi. Anh có được cái bình tâm không thể nào bị làm trầy xước của những người thấy thoải mái với chính mình. Đôi khi, vào những ngày trời gió, anh đi ngang qua công viên để xuống hồ, và ngồi hàng giờ bên bờ nhìn sóng gợn lăn tăn trên mặt nước tạo thành những hình nét không thể nào đoán trước được và tùy hứng lấp lánh đủ hướng. Gió, gió chỉ có một mà thôi: nhưng trên tấm gương mặt nước này tưởng chừng như hàng ngàn ngọn gió đang thổi về cùng lúc. Từ mọi phía. Thật là một cảnh tượng. Nhẹ như lụa và không thể nào giải thích được.

Đôi khi, vào những ngày trời gió, Hervé Joncour đi xuống tận hồ và ngồi hàng giờ ngắm nhìn nó, vì hình như anh thấy phác họa trên mặt nước cái cảnh tượng nhẹ như lụa và không thể nào giải thích được, đời anh.

Ngày 16 tháng sáu 1871, ở phòng sau quán cà phê Verdun, trước mười hai giờ trưa chút xíu, tên cụt tay xoay sở làm sao mà đánh được, phi lý quá, một "bốn băng" với "ép phê ngược". Baldabiau vẫn khò

người trên bàn, một tay vẫn giữ đằng sau lưng, tay kia còn cầm cái cơ bi da, không tin ở mắt

- Chết mẹ rồi!

Ông đứng thẳng người lại, đặt cái cơ lên bàn và đi ra chẳng thèm chào ai cả. Ba hôm sau, ông bỏ đi. Ông tặng Hervé Joncour hai nhà máy sợi.

- Tôi không muốn dính dáng đến vải vóc, tơ lụa gì nữa, ông Baldabiau ạ.

- Bán chúng đi, đồ ngu.

Chẳng ai làm cho ông nhả ra được cái tên nơi chốn quái quỷ nào ông định đi đến. Và hơn nữa, để làm gì chứ khi đến đó! Ông nói loanh quanh điều này, điều nọ về nữ thánh Agnès mà chẳng ai hiểu ắt giáp gì.

Buổi sáng ngày ông ra đi, Hervé Joncour cùng Hélène đưa tiễn ông tận nhà ga xe lửa Avignon. Ông chỉ mang theo một cái va li độc nhất, chuyện này không đến nỗi không thể hiểu được. Khi ông thấy con tàu đến ngừng ở sân ga, ông đặt cái va li xuống đất.

- Ngày xưa tôi có quen biết một tay cho xây cả một đường xe lửa dành riêng cho mình.

Ông nói.

- Lạ hơn nữa, thằng cha làm đường thẳng như mũi tên, hàng trăm cây số không có lấy một chỗ cong, chỗ vòng. Kể ra thì phải có lý do chứ giỡn chơi à, nhưng tôi quên cha nó mất. Người ta bao giờ cũng quên những lý do. Dù sao đi nữa: xin chào.

Đúng là Baldabiau không phải là người đủ sức, đủ vóc đủ vào những cuộc nói chuyện đứng đắn. Và một lời chào vĩnh biệt là một cuộc nói chuyện đứng đắn đối với ông.

Họ nhìn ông bước xa dần, ông và cái va li, xa mãi mãi.

Hélène vào lúc đó làm một điệ lụng. Nàng tách người khỏi Hervé Joncour, chạy theo sau Baldabiau đến khi đuổi kịp ông, ôm ông trong vòng tay, thật chặt và bật khóc nức nở.

Hélène không bao giờ khóc cả.

Hervé Joncour bán với giá rẻ mạt hai nhà máy sợi cho Michel Lariot, một người tử tế thường đánh domino với Baldabiau vào mỗi tối thứ bảy trong suốt hai mươi năm và ván nào ván nấy đều thua nhưng vẫn tỉnh queo, kiên trì bày ra ván khác. Ông ta có ba cô con gái. Hai cô đầu mang tên Florence và Sylvie. Nhưng cô thứ ba: Agnès.

Ba năm sau, vào mùa đông 1874, Hélène ngã bệnh, bị chứng sốt não mà không một bác sĩ nào chẩn được bệnh hay chữa trị được. Nàng từ trần vào đầu tháng ba, nhằm một ngày mưa.

Cả thị trấn Lavilledieu xuống đường đưa tiễn nàng, trong im lặng, đi theo con đường có những hàng cây lên nghĩa trang: vì nàng là một người đàn bà tế nhị và không gây khổ sở cho bất cứ ai.

Hervé Joncour cho khắc lên bia mộ nàng chỉ một chữ ngắn ngủi.

Anh cảm ơn mọi người, lặp đi lặp lại hàng trăm lần là anh không có những câu nào cả và trở về nhà. Chưa bao giờ anh thấy cái nhà to thế, rộng thế và chưa bao giờ anh thấy số mệnh anh không logic đến thế.

Nỗi tuyệt vọng là một điều quá đáng anh không biết đến; anh cúi xuống nhìn phần đời còn lại của mình và bắt đầu một lần nữa lo chăm sóc nó với sự bền bỉ không lay chuyển được của một người làm vườn

bắt tay vào một buổi sáng sau đêm mưa bão.

Hai tháng và mười một ngày sau khi Hélène mất, Hervé Joncour thấy mình đi lên nghĩa trang và chợt nhận ra, bên cạnh những đóa hoa hồng anh đặt lên mộ vợ hàng tuần, một chiếc nhẫn kết bằng những bông hoa xanh bé xíu. Anh khò người để nhìn kĩ hơn và giữ cái kiêu đứng khom này rất lâu, có ai tình cờ từ xa thấy thế chắc sẽ nghĩ anh kỳ quặc hay ngay cả buồn cười. Về đến nhà, anh không ra làm mấy chuyện vặt ngoài công viên theo thói quen nhưng ngồi lì trong phòng làm việc để suy nghĩ. Anh không làm gì khác, trong suốt mấy ngày. Suy nghĩ.

Đường Moscat, số 12, anh chỉ thấy một tiệm may. Người ta trả lời anh là Bạch nương không còn ở đây từ nhiều năm nay. Anh xoay sở sao đó để biết thêm là nàng đã dọn lên Paris, trở thành tình nhân một ông tài to mặt lớn, có lẽ ngay cả một chính trị gia.

Hervé Joncour đi Paris.

Anh mất hết năm ngày mới tìm ra chỗ ở của nàng. Anh gọi cho nàng vài chữ, xin được gặp. Nàng trả lời sẽ chờ anh ngày hôm sau, bốn giờ chiều. Đúng giờ, anh leo lên tầng hai một ngôi nhà sang trọng ở đại lộ Capucines. Một người hầu gái mở cửa cho anh. Cô đưa anh vào phòng khách, mời anh ngồi. Bạch nương vào, trong một cái áo dài rất thanh lịch và rất Pháp. Nàng để tóc xoã ngang vai, theo mốt Paris lúc đó. Nàng không đeo những chiếc nhẫn kết bằng những nụ hoa xanh ở những ngón tay. Nàng ngồi đối diện Hervé Joncour, không nói một lời. Và chờ.

Anh nhìn thẳng mắt nàng, nhưng giống như một đứa trẻ nhìn.

- Chính bà đã viết lá thư đó, phải không?

Anh nói.

- Hélène nhờ bà viết và bà đã làm theo.

Bạch nương ngồi bất động, không hạ ánh mắt, không để lộ một chút ngạc nhiên nào.

Rồi nàng nói.

- Không phải chính tôi viết.

Im lặng.

- Lá thư đó, chính Hélène viết.

Im lặng.

- Cô ấy đã viết sẵn trước khi đến gặp tôi. Cô ấy nhờ tôi chép lại, bằng tiếng Nhật. Và tôi đã làm. Đó là sự thật.

Hervé Joncour, ngay lúc đó, hiểu ra là mình sẽ tiếp tục nghe những chữ này suốt cuộc đời anh. Anh đứng dậy rồi đứng im như thể anh quên mất chỗ nào anh phải đi. Tiếng nói của Bạch nương vang đến tai anh tưởng như đến từ xa lắm.

- Cô ấy còn muốn đọc lên lá thư đó cho tôi nghe. Giọng cô ấy thật tuyệt. Và cô đọc những câu, chữ đó với một nỗi xúc động làm tôi không thể nào quên được. Như thể những câu, những chữ đó, thực tình, là của chính cô.

Hervé Joncour đang đi ngang qua gian phòng, bước rất chậm.

- Ông biết không, tôi nghĩ rằng cô ấy khát khao hơn mọi thứ khác trên đời được là người đàn bà đó. Ông không thể hiểu đâu. Nhưng tôi, tôi nghe cô ấy đọc lá thư đó. Tôi biết thực như vậy.

Hervé Joncour đã đến trước cửa. Anh đặt tay lên nắm cửa, không quay người lại, anh nói chậm rãi.

- Vĩnh biệt bà.

Hai người chẳng bao giờ gặp nhau lại nữa.

Hervé Joncour còn sống thêm hai mươi ba năm nữa, khỏe mạnh và thanh thản phần lớn thời gian đó. Anh không bao giờ đi khỏi thị trấn Lavilledieu và cũng chẳng ra khỏi nhà. Anh quản lý khôn khéo tài sản mình, điều này giúp anh khỏi phải làm những công việc ngoài việc chăm sóc cái công viên. Với thời gian anh bắt đầu cho phép mình cái thú vui mà trước đây anh khăng khăng từ chối: kể những chuyến đi của mình cho những người đến thăm viếng anh. Nghe kể chuyện, dân ở thị trấn Lavilledieu biết đến thế giới, và trẻ em khám phá ra những điều kinh ngạc đáng phục. Anh kể chậm rãi, từ từ, nhìn trong khoảng không những thứ mà người khác không thấy.

Ngày chủ nhật, anh xuống phố dự lễ cả ở nhà thờ. Mỗi năm một lần, anh đi một vòng những nhà máy sợi, để rờ vuốt lụa nõn vừa mới ra đời. Khi nổi cô đơn bao phủ làm anh ngột ngạt, anh đi lên nghĩa trang, nói chuyện cùng Hélène. Thời gian còn lại dành cho những thói quen sinh hoạt đã thành nghi thức, giúp anh tránh được những nỗi buồn rầu. Đôi khi, vào những ngày trời gió, Hervé Joncour đi xuống tận hồ và ngồi hàng giờ ngắm nhìn nó, vì hình như anh thấy phác họa trên mặt nước cái cảnh tượng nhẹ như lụa và không thể nào giải thích được, đời anh.

THE END

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Gác Sách:

Chimcanhcut100786 – Du Ca – Diên Vĩ

(Tìm - Chính sửa - Đăng)